

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHẤT LƯỢNG CAO
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã ngành: **7340405**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2020

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - LUẬT

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
CHẤT LƯỢNG CAO
(Hệ thống tín chỉ)

Trình độ đào tạo: **ĐẠI HỌC**

Ngành đào tạo: **Hệ thống thông tin quản lý**

Mã ngành: **7340405**

Loại hình đào tạo: **Chính quy tập trung**

TP. HCM, năm 2020

MỤC LỤC

1.	Mục tiêu đào tạo	1
1.1	Mục tiêu chung	1
1.2	Mục tiêu cụ thể	1
1.3	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)	1
2.	Thời gian đào tạo.....	6
3.	Khối lượng kiến thức toàn khóa:.....	6
4.	Đối tượng tuyển sinh.....	6
5.	Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp	6
5.1	Quy trình đào tạo	6
5.2	Điều kiện tốt nghiệp	7
6.	Thang điểm	7
7.	Chương trình đào tạo	7
7.1	Tỉ lệ các khối kiến thức:	7
7.2	Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:	7
8.	Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:	15
9.	Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp	27
9.1	Thực tập tốt nghiệp:.....	27
9.2	Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp	28
10.	Tóm tắt đề cương môn học.....	29
11.	Đề cương chi tiết môn học	57
12.	Đề cương chi tiết môn học Tiếng Anh	57
13.	Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình	57
13.1	Danh sách giảng viên cơ hữu	57
13.2	Danh sách giảng viên thỉnh giảng	62
13.3	Danh sách giảng viên đảm nhiệm môn học bằng Tiếng Anh	62
13.4	Danh sách trợ giảng tham gia trợ giảng các học phần của CTCLC.....	64
14.	Danh sách cố vấn học tập	65
15.	Cơ sở vật chất phục vụ học tập:	66
15.1	Phòng học	66

15.2	Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành	69
15.3	Hội trường.....	69
15.4	Thư viện.....	69
15.5	Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo	71
16.	Hướng dẫn thực hiện chương trình	76
17.	Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:	76

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Từ nguyên
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CT	Chương trình
CTĐT	Chương Trình đào tạo
GDQP	giáo dục quốc phòng
HTTT	Hệ thống thông tin
HTTTQL	Hệ thống thông tin Quản lý
TC	tín chỉ
TMĐT	Thương mại điện tử

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020.

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHẤT LƯỢNG CAO

- Tên chương trình: Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo chất lượng cao
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý
- Loại hình đào tạo: Chính quy tập trung
- Mã ngành đào tạo: 7340405

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình đào tạo cử nhân Hệ thống thông tin quản lý – Chương trình Kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo chất lượng cao của trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQG-HCM là đào tạo nên những con người có phẩm chất đạo đức, có sức khỏe và có khả năng **phân tích kinh doanh** và ứng dụng các kỹ thuật của **Trí tuệ nhân tạo** để khám phá tri thức trong kinh doanh - quản lý nhằm **hỗ trợ ra quyết định**, xây dựng chiến lược và thúc đẩy sự **chuyển đổi số và kinh doanh số** tại các tổ chức doanh nghiệp đạt lợi thế cạnh tranh trong môi trường kinh doanh toàn cầu.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu I: Đào tạo cử nhân ngành có đầy đủ kiến thức chuyên môn cần thiết kết hợp giữa **kinh tế, công nghệ thông tin và toán** nhằm **nắm vững** các **quy trình** kinh doanh để thu thập, tổ chức quản lý và phân tích dữ liệu trong kinh doanh và **quản trị** doanh nghiệp;



Mục tiêu II: Đào tạo đội ngũ những chuyên gia về dữ liệu lớn có khả năng **am tường những kiến thức về quản trị doanh nghiệp**. Định hướng cho việc sử dụng **trí tuệ nhân tạo** để tạo ra tri thức và ứng dụng vào thúc đẩy doanh nghiệp phát triển bền vững;

Mục tiêu III: Đào tạo những chuyên gia **Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo có kiến thức chuyên sâu về thu thập, quản lý và phân tích dữ liệu**; Khả năng vận dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm phát hiện các tri thức mới hỗ trợ ra quyết định tại tổ chức, doanh nghiệp;

Mục tiêu IV: Đào tạo những chuyên gia có khả năng **đánh giá, lựa chọn, đề xuất và tư vấn các giải pháp phân tích kinh doanh**, ứng dụng **trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số** trong quản lý và điều hành tổ chức, doanh nghiệp;

Mục tiêu V: Đào tạo nguồn nhân lực có thái độ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp và lối sống tốt trong môi trường toàn cầu.

1.3 Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)

	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo áp dụng CDIO hiện đại nền tảng giáo dục 4.0
1	CÁC KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
1.1	KIẾN THỨC KHOA HỌC CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
1.1.1	Toán học
1.1.2	Tin học
1.1.3	Kinh tế
1.1.4	Quản lý
1.1.5	Pháp luật
1.1.6	Kiến thức về chính trị, xã hội, tâm lý
1.2	KIẾN THỨC CƠ SỞ CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
1.2.1	Các mô hình tổ chức, lưu trữ, xử lý và khai thác dữ liệu
1.2.2	Hạ tầng công nghệ thông tin
1.2.3	Kỹ thuật lập trình
1.2.4	Các phương pháp Phân tích và Thiết kế hệ thống, ngôn ngữ mô hình hóa

1.2.5	Kế toán, tài chính và quản trị
1.2.6	Hệ thống thông tin quản lý
1.2.7	Marketing số
1.2.8	Các kiến thức nền tảng về phân tích kinh doanh
	Toán
1.3	KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
	Toán xác suất/thống kê và đại số tuyến tính (Foundation on Probability/Statistics and Linear Algebra)
1.3.1	Khả năng lập trình (Ngôn ngữ Python, R) (Programming Skills in Python, R)
1.3.2	Cơ sở dữ liệu (Database) - Các mô hình và hệ quản trị cơ sở dữ liệu
1.3.3	Các quy trình kinh doanh và quản lý
1.3.4	Trí tuệ nhân tạo (Các kỹ thuật data mining/machine learning, Natural Language Understanding, Deep Learning, Recommendation System, ...)
1.3.5	Các mô hình hỗ trợ ra quyết định dựa trên phân tích dữ liệu
1.3.6	Dữ liệu lớn và hệ thống phân tán (Big Data and Distributed System)
2	KỸ NĂNG, PHẨM CHẤT CÁ NHÂN VÀ NGHỀ NGHIỆP
2.1	CÓ KHẢ NĂNG LẬP LUẬN, PHÂN TÍCH VÀ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ QUẢN TRỊ BẰNG CÁC GIẢI PHÁP KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
2.1.1	Kỹ năng về tính toán, tổng hợp và khai thác thông tin hiệu quả
2.1.2	Tư duy thiết kế (khả năng trình bày và phát triển quy trình, công việc nhiệm vụ) để đạt hiệu quả mong muốn
2.1.3	Kỹ năng quản trị sự quá tải dữ liệu, thông tin, nhận thức
2.1.4	Hình thành chiến lược giải quyết vấn đề (Giải pháp và khuyến nghị)
2.2	CÓ KHẢ NĂNG THỬ NGHIỆM, NGHIÊN CỨU VÀ KHÁM PHÁ TRI THỨC
2.2.1	Xây dựng giả thuyết
2.2.2	Sử dụng các kỹ thuật phân tích
2.2.3	Điều tra thực nghiệm trên nền tảng dữ liệu
2.2.4	Kỹ năng tiếp cận và khai thác hiệu quả các phương tiện - công nghệ mới.
2.2.5	Kiểm định giả thuyết và bảo vệ giả thuyết
2.3	CÓ KHẢ NĂNG TƯ DUY TẦM HỆ THỐNG
2.3.1	Khả năng tư duy tổng thể hệ thống
2.3.2	Áp dụng kiến thức liên ngành để giải quyết vấn đề

2.3.3	Đánh giá và cân bằng trong giải quyết vấn đề
2.4	CÓ NHẬN THỨC VỀ TƯ TƯỞNG, THÁI ĐỘ VÀ TINH THẦN HỌC TẬP
2.4.1	Sáng kiến và sẵn sàng quyết định chấp nhận rủi ro
2.4.2	Kiên trì, sẵn sàng và quyết tâm, tháo vát và linh hoạt
2.4.3	Tư duy thích ứng và sáng tạo
2.4.4	Tư duy suy xét đa ngành, đa chiều
2.4.5	Sự tự nhận thức và tích hợp kiến thức liên ngành
2.4.6	Học tập, nâng cao trình độ và rèn luyện suốt đời
2.4.7	Quản lý thời gian tích hợp công nghệ
2.5	ĐẠO ĐỨC, CÔNG BẰNG VÀ CÁC TRÁCH NHIỆM KHÁC
2.5.1	Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực và trách nhiệm xã hội toàn cầu
2.5.2	Hành xử chuyên nghiệp
2.5.3	Có tầm nhìn và định hướng trong cuộc sống
2.5.4	Cập nhật kiến thức và thông tin trong lĩnh vực kinh doanh và Hệ thống thông tin quản lý
2.5.5	Khả năng hội nhập, chấp nhận sự khác biệt và công bằng
2.5.6	Chịu áp lực cao, tin cậy và gắn bó với tổ chức
3	LÀM VIỆC NHÓM VÀ GIAO TIẾP
3.1	LÀM VIỆC NHÓM
3.1.1	Kỹ năng làm việc nhóm
3.1.2	Kỹ năng làm việc đa ngành
3.1.3	Kỹ năng làm việc nhóm đa văn hóa
3.1.4	Kỹ năng làm việc nhóm dựa trên nền tảng công nghệ ảo
3.1.5	Làm việc với các loại nhóm khác nhau
3.2	GIAO TIẾP
3.2.1	Kỹ năng giao tiếp đa phương tiện truyền thông hiện đại
3.2.2	Thuyết trình
3.2.3	Trí tuệ xã hội (social intelligence): kỹ năng kết nối nhiều người khác nhau để giao tiếp, thăm dò và dự đoán sự phản ứng trong công việc
3.3	GIAO TIẾP BẰNG NGOẠI NGỮ
3.3.1	Giao tiếp bằng tiếng Anh Giao tiếp bằng tiếng Anh (IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương (4 kỹ năng))
4	NĂNG LỰC HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG, THIẾT KẾ, XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HTTTQL TRONG DOANH NGHIỆP

4.1	XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG VÀ CÁC BỐI CẢNH BÊN NGOÀI HỆ THỐNG
4.1.1	Vai trò và trách nhiệm cử nhân chuyên ngành KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
4.1.2	Tác động của lĩnh vực KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO đối với xã hội và môi trường
4.1.3	Các quy tắc xã hội của lĩnh vực KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
4.1.4	Các bối cảnh lịch sử và văn hóa
4.1.5	Phát triển một quan điểm toàn cầu
4.2	BỐI CẢNH DOANH NGHIỆP VÀ LĨNH VỰC KINH DOANH
4.2.1	Các hình thái văn hóa doanh nghiệp
4.2.2	Tầm nhìn, chiến lược và mục tiêu của doanh nghiệp
4.2.3	Nhận diện cơ hội kinh doanh thông qua kinh doanh số và trí tuệ nhân tạo
4.2.4	Các mô hình cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp có quy mô toàn cầu
4.2.5	Phát triển các công nghệ mới
4.2.6	Vấn đề quản trị và kiểm soát dữ liệu trong doanh nghiệp
4.3	HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG GIẢI PHÁP KINH DOANH SỐ VÀ TRÍ TUỆ NHÂN TẠO
4.3.1	Khảo sát hiện trạng
4.3.2	Xác định nhu cầu và thiết lập các mục tiêu và nguồn dữ liệu
4.3.3	Phân tích các yêu cầu, nguồn dữ liệu khai thác và xác định công cụ
4.3.4	Mô hình hoá hệ thống và các giao tiếp
4.3.5	Xác định các vấn đề liên quan đến phát triển và quản trị dự án trong tương lai
4.4	THIẾT KẾ
4.4.1	Khả năng vận dụng các quy trình khoa học và công cụ trong thiết kế
4.4.2	Khả năng vận dụng các kiến kỹ thuật, khoa học và nghiệp vụ trong thiết kế
4.4.3	Thiết kế các hoạch định tương lai
4.4.4	Thiết kế hạ tầng khai thác và xử lý
4.4.5	Thiết kế cơ sở dữ liệu và nhà kho dữ liệu
4.4.6	Thiết kế các quy trình xử lý, các giao tiếp và các quy tắc xử lý
4.4.7	Thiết kế các quy tắc quản trị chất lượng dữ liệu, an toàn hệ thống, bảo mật hệ thống, phát triển hệ thống
4.5	XÂY DỰNG
4.5.1	Lập kế hoạch thu thập, xử lý và cách khai thác dữ liệu

4.5.2	Quản lý quá trình xây dựng hệ thống quản trị và khai thác dữ liệu
4.5.3	Sử dụng các ngôn ngữ lập trình, các công cụ phát triển khác thác xử lý dữ liệu
4.5.4	Xây dựng và tích hợp các mô hình và đánh giá
4.5.5	Giám sát, xác nhận và trình bày kết quả
4.6	TRIỂN KHAI
4.6.1	Lập kế hoạch triển khai, xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả triển khai.
4.6.2	Xây dựng tài liệu và quy trình huấn luyện
4.6.3	Quản lý vòng đời của hệ thống phân tích kinh doanh
4.6.4	Quản trị vận hành hệ thống phân tích kinh doanh
4.6.5	Phát triển và cải thiện hệ thống phân tích kinh doanh
4.6.6	Đề xuất giải pháp chuyển đổi số trong tổ chức doanh nghiệp

2. Thời gian đào tạo: 4 năm với 8 học kỳ

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

130 tín chỉ không kể khối kiến thức giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng và ngoại ngữ.

4. Đối tượng tuyển sinh

- Theo Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy ban hành hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Khối tuyển sinh: Theo quy định tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Kinh tế - Luật

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Việc tổ chức đào tạo và quản lý đào tạo được thực hiện theo Quy chế đào tạo Đại học ban hành kèm theo Quyết định số 262/QĐ-ĐHQG ngày 20 tháng 4 năm 2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

5.1 Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được chia làm 8 học kỳ:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở khối ngành: học kỳ 1, học kỳ 2, học kỳ 3, học kỳ 4.
- Khối kiến thức chuyên ngành: học kỳ 4, học kỳ 5, học kỳ 6, học kỳ 7.

- Thực tập cuối khóa, khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề: học kỳ 7, 8.

5.2 Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên được công nhận tốt nghiệp, nếu hội đủ các điều kiện sau đây:

- Tích lũy đủ số TC của ngành đào tạo;
- Đạt điểm trung bình chung tích lũy toàn khóa theo quy định;
- Đạt các chứng chỉ GDQP, chứng chỉ giáo dục thể chất;
- Tại thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
- Điều kiện ngoại ngữ: Giao tiếp bằng tiếng Anh (IELTS 5.5 hoặc các chứng chỉ khác tương đương (4 kỹ năng))

6. Thang điểm

Thang điểm sử dụng là thang điểm 10 và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân.

7. Chương trình đào tạo: 130 Tín chỉ

7.1 Tỷ lệ các khối kiến thức:

Hệ đào tạo	Thời gian đào tạo (năm)	Tổng khối lượng kiến thức	Kiến thức cơ bản	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành			TTCK, KLTN hoặc các HPCĐ	Phân bổ theo bắt buộc và tự chọn			Ghi chú
				Toàn bộ	Cơ sở khối ngành + nhóm ngành	Chuyên ngành		Bắt buộc	Tự chọn		
									Yêu cầu trong CTĐT	Được liệt kê để lựa chọn	
Đại học chính quy	4	130	34	88	22+15	51	4+4				Không kể phần kiến thức: ngoại ngữ (20TC), giáo dục thể chất (6 TC), giáo dục quốc phòng (165 tiết)
		Tỷ lệ (%)	26,2	67,7			6,1				

7.2 Nội dung chi tiết chương trình đào tạo:

7.2.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

7.2.1.1 Lý luận Mác Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 11 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
		Các môn học bắt buộc (11 TC)	11	11		
1	GEN1007	Triết học Mác – Lênin	3	3		
2	GEN1009	Lịch sử ĐCSVN	2	2		
3	GEN1008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		
5	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		

7.2.1.2 Nhân văn – Kỹ năng: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1101	Tâm lý học (*)	2	2		
2	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp (*)	2	2		
3	GEN1108	Nhân học đại cương (*)	2	2		
4	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học (**)	2	2		
5	BUS1303	Kỹ năng làm việc nhóm (**)	2	2		
6	GEN1111	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	2		

7.2.1.3 Khoa học xã hội: 4 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Không có môn học bắt buộc						
Các môn tự chọn (4 TC)			4	4		
1	GEN1106	Xã hội học (*)	2	2		

2	GEN1105	Văn hóa học (*)	2	2		
3	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam (*)	2	2		
4	GEN1103	Địa chính trị thế giới (**)	2	2		
5	GEN1104	Quan hệ quốc tế (**)	2	2		
6	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới (**)	2	2		

7.2.1.4 Khoa học kinh tế: 22 tín chỉ (Nhóm TC khối ngành)

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc			22	22		
1	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3		
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3		
3	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3		
4	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3		
5	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		
6	BUS1200	Marketing căn bản	3	3		
7	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh	2	2		
8	COM1001	Kinh tế học quốc tế	2	2		

7.2.1.5 Ngoại ngữ không chuyên: 20 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1	
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1	
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1	
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1	

7.2.1.6 Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 9 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 07 TC			7	7		
1	MAT1001	Toán cao cấp	5	5		
2	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		
Các môn học tự chọn: 02 TC			2	2		
1	MIS1060	Tin học ứng dụng	2	2		
2	GEN1107	Logic học	2	2		

7.2.1.7 Khoa học pháp lý: 6 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	TÍN CHỈ			
			TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 6 TC			6	6		
1	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật	3	3		
2	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3		

7.2.1.8 Giáo dục thể chất: 6 tín chỉ

7.2.1.9 Giáo dục quốc phòng: 165 tiết (tương ứng 8 tín chỉ)

7.2.2 Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 88 tín chỉ

7.2.2.1 Kiến thức cơ sở nhóm ngành: 15 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 15 TC				15	12	3	
1	MIS1003	Tin học cơ sở		3	2	1	
2	MIS1071	Kỹ thuật lập trình với Python		3	2	1	
3	MIS1072	Phân tích dữ liệu cơ bản		3	3		

4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu		3	2	1	
5	ACC1113	Kế toán quản trị		3	3		

7.2.2.2 Kiến thức ngành và chuyên ngành: 51 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
Các môn học bắt buộc: 40 TC				40	30	10	
1	MIS1073	Giới thiệu ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo		2	2	0	
2	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý		3	3	0	
3	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý		3	2	1	
4	MIS1075	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán)		3	2	1	
5	MIS1076	Nhà kho dữ liệu và tích hợp		3	2	1	
6	MIS1077	Trực quan hóa dữ liệu		3	2	1	
7	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định		3	2	1	
8	MIS1079	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh		3	3	0	
9	MIS1080	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh		3	3	0	
10	MIS1081	Phân tích dữ liệu với R		3	2	1	
11	MIS1082	Phân tích dữ liệu văn bản		3	2	1	
12	MIS1094	Chuyển đổi số trong kinh doanh		3	2	1	
13	MAT1003	Thống kê ứng dụng		3	3	0	
14	MIS1084	Kiến tập (416)		2	0	2	
Các môn học tự chọn: 11 TC				11	10-11	1-0	

1	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy		3	3	0	2 môn chọn 1
2	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing		3	3	0	
3	MIS1087	Hệ khuyến nghị		3	3	0	2 môn chọn 1
4	MIS1088	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo		3	3	0	
5	MIS1092	Phân tích Marketing số		2	2	0	2 môn chọn 1
6	MIS1090	Phân tích dữ liệu truyền thông xã hội		2	2	0	
7	MIS1091	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh		3	2	1	2 môn chọn 1
8	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính		3	3	0	

7.2.3 Thực tập tốt nghiệp + Khóa luận tốt nghiệp/Học 2 chuyên đề TN): 8 tín chỉ

STT	MÃ MÔN HỌC	TÊN MÔN HỌC	MÔN TIỀN QUYẾT	TÍN CHỈ			
				TỔNG CỘNG	LÝ THUYẾT	TH/TN	KHÁC
				8			
1	MIS1093	Dữ liệu với công nghệ blockchain (đối với sinh viên không làm KLTN)		2	1	1	
2	MIS1059	Big Data và ứng dụng (đối với sinh viên không làm KLTN)		2	1	1	
3	MIS1068	Khóa luận tốt nghiệp		4		4	
4	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp		4		4	

7.2.4 Danh sách các môn học được giảng dạy bằng Tiếng Anh:

STT	Mã môn	Tên môn học	Số TC	Tiếng Anh	Song ngữ	Học kì	Bắt buộc
1	MIS1072	Phân tích dữ liệu cơ bản	3	✓		III	✓
2	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý	3	✓		IV	✓
3	MIS1081	Phân tích dữ liệu với R	3	✓		IV	✓
4	MIS1082	Phân tích dữ liệu văn bản	3	✓		V	✓
5	MIS1079	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh	3		✓	V	✓
6	MIS1076	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	3		✓	V	✓
7	MIS1017	Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý	3	✓		VI	✓
8	MIS1080	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	✓		VI	✓
9	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	✓		VI	✓
10	MIS1094	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3		✓	VII	✓
11	MIS1077	Trực quan hóa dữ liệu	3		✓	VII	✓
12	MIS1059	Big Data và ứng dụng	2		✓	VIII	
TỔNG CỘNG			35				

7.2.5 Danh sách các môn học được trợ giảng

STT	Mã môn	Tên môn học	Số TC	Học kì
1	MIS1003	Tin học cơ sở	3	I
2	MIS1071	Kỹ thuật lập trình với Python	3	II
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	III
4	MIS1081	Phân tích dữ liệu với R	3	IV
5	MIS1075	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán)	3	V

6	MIS1082	Phân tích dữ liệu văn bản	3	V
7	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	VI
8	MIS1077	Thực quan hóa dữ liệu	3	VII
9	MIS1059	Big Data và ứng dụng	2	VII
TỔNG CỘNG			26	

7.2.6 Ma trận chuẩn đầu ra – Môn học

8. Dự kiến Kế hoạch giảng dạy:

HỌC KỲ I – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	18	17	1		
1	GEN1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			
2	ECO1001	Kinh tế vi mô 1	3	3			
3	LAW1001	Lý luận nhà nước và pháp luật (Pháp luật đại cương)	3	3			
4	MAT1001	Toán cao cấp	5	5			
5	MIS1003	Tin học cơ sở	3	2	1		
6	MIS1073	Giới thiệu ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo	2	2			
		Môn học tự chọn	4	4			
7	GEN1105	Văn hóa học	3 môn chọn 1	2	2		
8	GEN1106	Xã hội học		2	2		
9	GEN1110	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2		
10	GEN1103	Địa chính trị thế giới	3 môn chọn 1	2	2		
11	GEN1104	Quan hệ quốc tế		2	2		
12	GEN1109	Lịch sử văn minh thế giới		2	2		
13	GEN1004	Giáo dục thể chất 1	3	3			

HỌC KỲ II – 22 TC (không bao gồm giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	20	19	1		
1	LAW1501	Luật doanh nghiệp	3	3			
2	ECO1002	Kinh tế vĩ mô 1	3	3			
3	ACC1013	Nguyên lý kế toán	3	3			
4	BUS1100	Quản trị học căn bản	3	3			
5	MAT1002	Lý thuyết xác suất	2	2		MAT1001	
6	MIS1071	Kỹ thuật lập trình với Python	3	2	1		MIS1003
7	GEN1007	Triết học Mác - Lênin	3	3			
		Môn học tự chọn	2	2			
8	GEN1101	Tâm lý học đại cương	3 môn chọn 1	2	2		
9	GEN1102	Nhập môn khoa học giao tiếp		2	2		
10	GEN1108	Nhân học đại cương		2	2		
11	GEN1005	Giáo dục thể chất 2	3	3			
12	GEN1006	Giáo dục QP (4 tuần)	165t				

HỌC KỲ III (NĂM 2): 19 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	17	15	2		
1	GEN1009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2			
2	BUS1200	Marketing căn bản	3	3			
3	FIN1101	Nguyên lý thị trường tài chính	3	3		ECO1001 ECO1002	
4	MAT1003	Thống kê ứng dụng	3	3			
5	MIS1072	Phân tích dữ liệu cơ bản	3	2	1		
6	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
		Môn học tự chọn	2	1-2	1-0		
7	MIS1060	Tin học ứng dụng	2 môn chọn 1	2	1	1	
8	GEN1107	Logic học		2	2		

HỌC KỲ IV: 17 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	15	14	1		
1	GEN1011	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	2	0		
2	MIS1081	Phân tích dữ liệu với R	3	2	1		
3	ACC1113	Kế toán quản trị	3	3			
4	MIS1009	Hệ thống thông tin quản lý	3	3	0	MIS1003	

5	COM1001	Kinh tế học quốc tế		2	2	0		
6	MIS1005	Hệ thống thông tin kinh doanh		2	2			
Môn học tự chọn				2	2	0		
7	ECO1003	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3 môn chọn 1	2	2	0		
8	BUS 1303	Kỹ năng làm việc theo nhóm		2	2	0		
9	GEN1111	Thực hành văn bản Tiếng Việt		2	2	0		

HỌC KỲ V (NĂM 3): 15 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc		12	8	4		
1	MIS1075	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán)		3	2	1		
2	MIS1082	Phân tích dữ liệu văn bản		3	2	1		
3	MIS1079	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh		3	2	1		
4	MIS1076	Nhà kho dữ liệu và tích hợp		3	2	1		
		Môn học tự chọn		3	3	0		
5	MAT1021	Phương pháp tối ưu trong học máy	2 môn chọn 1	3	3	0		
6	MAT1028	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing		3	3	0		

HỌC KỲ VI: 16 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC		TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
				Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi

		Môn học bắt buộc	13	10	3		
1	MIS1017	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	2	1		
2	MIS1080	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	3	2	1		
3	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	2	1		
4	GEN1010	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0		
5	MIS1084	Kiến tập (416)	2	2	0		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	3	3	0		
6	MIS1087	Hệ khuyến nghị	2 môn chọn 1	3	3	0	
7	MIS1088	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo		3	3	0	

THA
RUC
DAI H
NHTE
90

HỌC KỲ VII (NĂM 4): 11 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
		Môn học bắt buộc	6	4	2		
1	MIS1094	Chuyển đổi số trong kinh doanh	3	2	1		
2	MIS1077	Trực quan hóa dữ liệu	3	2	1		
		Môn học tự chọn chuyên sâu	5				
3	MIS1090	Phân tích dữ liệu truyền thông xã hội	2 môn chọn 1	2	1	1	
4	MIS1092	Phân tích Marketing số		2	2	0	
5	MIS1091	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh	2 môn chọn 1	3	2	1	
6	MAT1015	Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính		3	3	0	

HỌC KỲ VIII: 8 TC

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	MIS1093	Dữ liệu với công nghệ blockchain (đối với sinh viên không làm KLTN)	2	1	1		
2	MIS1059	Big Data và ứng dụng (đối với sinh viên không làm KLTN)	2	1	1		
3	MIS1068	Khóa luận tốt nghiệp	4		4		
4	MIS1067	Thực tập tốt nghiệp	4		4		

KHỐI KIẾN THỨC NGOẠI NGỮ: 20 TC

STT	MÃ MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ENG1001	Tiếng Anh thương mại 1	5	4	1		Đầu vào A2
2	ENG1002	Tiếng Anh thương mại 2	5	4	1		ENG1001
3	ENG1003	Tiếng Anh thương mại 3	5	4	1		ENG1002
4	ENG1004	Tiếng Anh thương mại 4	5	4	1		ENG1003

Lưu ý: Sinh viên phải hoàn thành 130 tín chỉ để được nhận bằng tốt nghiệp.

- Đối với sinh viên thuộc chương trình Chất lượng cao phải thực hiện Khóa luận tốt nghiệp, được xem là hoạt động nghiên cứu khoa học bắt buộc theo yêu cầu đào tạo của chương trình chất lượng cao.
- Tuy nhiên, đối với sinh viên đã hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thì có thể đăng kí học và thi 2 môn học chuyên môn vào HK8 (4 tín chỉ) để thay cho việc thực hiện Khóa luận tốt nghiệp (theo thông báo số 04/ĐHKTL-BĐH ngày 28/11/2019).

KHỐI TỰ CHỌN MỞ RỘNG (chọn 12 tín chỉ theo khối tự chọn mở rộng)

Sinh viên có thể chọn lựa khối môn học tự chọn mở rộng của các chương trình giáo dục khác với chương trình giáo dục **chính** nhằm đa dạng hóa kiến thức tích lũy và kết quả học tập khối môn học tự chọn mở rộng được thể hiện thành khối kiến thức chương trình giáo dục **phụ** trên bảng điểm tốt nghiệp

Chương trình giáo dục: Kinh tế học (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1011	Kinh tế vi mô 2	4	4			
2	ECO1012	Kinh tế vĩ mô 2	4	4			
3	ECO1014	Kinh tế phát triển	4	4			
4	ECO1008	Kinh tế công	3	3			
5	ECO1013	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế và quản lý công (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ECO1022	Kinh tế công 2	2	2			
2	ECO1023	Chính sách công	4	4			
3	ECO1025	Quản lý công	3	3			
4	ECO1014	Kinh tế phát triển	3	3			
5	ECO1009	Kinh tế tài nguyên và môi trường	3	3			
6	ECO1008	Kinh tế lao động	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh tế đối ngoại (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1510	Luật thương mại quốc tế	3	3			
2	COM1011	Logistics	3	3			
3	COM1002	Kinh tế đối ngoại	3	3			
4	COM1009	Vận tải và bảo hiểm quốc tế	3	3			
5	COM1006	Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương	3	3			

Chương trình giáo dục: Kinh doanh quốc tế (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	COM1020	Quản trị đa văn hoá	3	3			
2	COM1005	Kinh doanh quốc tế	3	3			
3	COM1004	Đàm phán kinh doanh quốc tế	3	3			
4	COM1007	Tài chính quốc tế	3	3			
5	COM1015	Đầu tư quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Ngân hàng (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1201	Tiền tệ ngân hàng	3	3			
2	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
3	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			
4	FIN1206	Ngân hàng thương mại nâng cao	3	3			
5	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
6	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			

Chương trình giáo dục: Tài chính doanh nghiệp (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	FIN1106	Quản trị tài chính nâng cao	3	3			
2	FIN1105	Đầu tư tài chính	3	3			
3	FIN1109	Phân tích chứng khoán	3	3			
4	FIN1104	Thuế	3	3			
5	FIN1207	Quản trị ngân hàng	3	3			
6	FIN1203	Ngân hàng thương mại	3	3			

Chương trình giáo dục: Kế toán (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1023	Kế toán quản trị	4	4		ACC1013	
2	ACC1502	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
3	ACC1063	Kế toán phần hành 1	3	3		ACC1013	
4	ACC1153	Thuế - thực hành và khai báo	3	3			
5	ACC1582	Phân tích báo cáo tài chính	2	2		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Kiểm toán (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	ACC1033	Kế toán tài chính 1	3	3		ACC1013	
2	ACC1043	Kế toán tài chính 2	3	3		ACC1013	
3	ACC1503	Lý thuyết kiểm toán	3	3			
4	ACC1083	Kế toán quốc tế	3	3		ACC1013	
5	ACC1583	Phân tích báo cáo tài chính	3	3		ACC1034	

Chương trình giáo dục: Hệ thống thông tin quản lý (chọn 12 TC)

(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1 (Hướng hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1015	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 1	3	3			
3	MIS1016	Tích hợp quy trình KD với các hệ thống ERP - Phần 2	3	3			
4	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
Nhóm 2 (Hướng phân tích dữ liệu)							
1	MIS1017	Phân tích & Thiết kế hệ thống thông tin quản lý	3	3			
2	MIS1021	Phân tích dữ liệu với R/Python	3	2	1		
3	MIS1011	Cơ sở dữ liệu	3	2	1		
4	MIS1061	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	3	3			

Chương trình giáo dục: Thương mại điện tử (chọn 12 TC)
(sinh viên chọn 1 trong 2 nhóm)

Stt	MÃ MH	MÔN HỌC	Tín chỉ			Điều kiện tiên quyết	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
Nhóm 1: E-Marketing							
1	MIS1034	Thương mại điện tử	3	3			
2	MIS1040	Marketing điện tử	3	3			
3	MIS1031	Quản trị quan hệ khách hàng điện tử (e-CRM)	3	3			
4	MIS1042	Thanh toán điện tử	3	3			
Nhóm 2: Phát triển hạ tầng Thương Mại Điện Tử							
1	MIS1014	Phát triển Web kinh doanh	3	2	1		
2	MIS1027	Phát triển Web kinh doanh nâng cao	3	2	1		
3	MIS1049	Phát triển Thương mại di động	3	2	1		
4	MIS1055	Phát triển thương mại di động nâng cao	3	2	1		

Chương trình giáo dục: Quản trị kinh doanh, Marketing (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIÊN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	BUS1103	Quản trị nguồn nhân lực	3	Chọn 3 trong 5 môn			
2	BUS1105	Quản trị chiến lược	3				
3	BUS1205	Quản trị marketing	3				
4	BUS1207	Quản trị truyền thông	3				
5	BUS1210	Nghiên cứu marketing	3				
6	BUS1300	Nghệ thuật lãnh đạo	3	Chọn 1 trong 2 môn			
7	BUS1308	Kỹ năng bán hàng	3				

Chương trình giáo dục: Luật kinh doanh; Luật thương mại quốc tế (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1502	Luật hợp đồng	3	3			
2	LAW1504	Luật sở hữu trí tuệ	3	3			
3	LAW1503	Luật Thương mại	3	3			
4	LAW1505	Luật Đất đai	3	3			
5	LAW1508	Luật cạnh tranh	3	3			
6	LAW1518	Luật Kinh doanh quốc tế	3	3			

Chương trình giáo dục: Luật dân sự (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1103	Nghĩa vụ ngoài hợp đồng	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102
3	LAW1108	Pháp luật về tài sản trong gia đình	2	2			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1107
4	LAW1109	Tổ tụng dân sự	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
5	LAW1114	Hợp đồng lao động và giải quyết tranh chấp	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1109 LAW1113

Chương trình giáo dục: Luật Tài chính – Ngân hàng (chọn 12 TC)

STT	Mã MH	MÔN HỌC	TÍN CHỈ			ĐIỀU KIỆN TIỀN QUYẾT	
			Tổng cộng	Lý thuyết	Thực hành	Tích lũy	Đã học và thi
1	LAW1101	Những vấn đề chung về luật dân sự	3	3			LAW1001
2	LAW1201	Luật ngân hàng	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
3	LAW1206	Luật chứng khoán	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103
4	LAW1212	Luật thuế	3	3			LAW1001 LAW1101 LAW1102 LAW1103 LAW1207

9. Kế hoạch thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận tốt nghiệp/học chuyên đề tốt nghiệp

9.1 Thực tập tốt nghiệp:

9.1.1 Chuẩn bị:

Đầu học kì VII, Khoa gặp gỡ sinh viên phổ biến về kế hoạch thực tập tốt nghiệp: Thời gian, yêu cầu doanh nghiệp thực tập, đề tài báo cáo, nội dung báo cáo,...; Định hướng cho sinh viên chọn đề tài báo cáo; Quy trình sinh viên liên hệ tìm doanh nghiệp thực tập (tự liên hệ và với sự hỗ trợ của Trung tâm hỗ trợ sinh viên và quan hệ doanh nghiệp của Trường); Trả lời các câu hỏi của sinh viên;....

Khoa cung cấp giấy giới thiệu cho sinh viên và mọi hỗ trợ cần thiết để sinh viên liên hệ doanh nghiệp thực tập.

Sau khi liên hệ được doanh nghiệp thực tập, sinh viên đăng ký sơ bộ đề tài báo cáo tốt nghiệp, với đề nghị giảng viên hướng dẫn nếu có thỏa thuận với giảng viên.

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn cho từng sinh viên.

Cuối học kì VII, Sinh viên gặp gỡ giảng viên hướng dẫn, trao đổi cụ thể về kế hoạch thực tập tốt nghiệp và viết báo cáo thực tập.

9.1.2 Thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp và viết báo cáo:

❖ Dành cho Sinh viên học chuyên đề:

Sinh viên học chuyên đề theo kế hoạch đào tạo chung của trường, sau khi hoàn tất sẽ tiến hành đi thực tập tại doanh nghiệp.

Sinh viên thực tập tại doanh nghiệp và viết báo cáo thực tập tốt nghiệp từ tuần đầu 6 trong học kì VIII và thời gian 10 tuần.

Sinh viên viết đề cương chi tiết Báo cáo thực tập, nộp cho giảng viên hướng dẫn. Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.

Sinh viên vừa thực tập vừa viết báo cáo thực tập.

Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo thực tập cho Khoa, cùng với Nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.

Đánh giá báo cáo thực tập: điểm của báo cáo bao gồm hai điểm thành phần (20% điểm đánh giá của doanh nghiệp và 80% điểm đánh giá của giảng viên).

❖ Đối với sinh viên làm khóa luận tốt nghiệp:

Sinh viên bắt đầu thực tập từ tuần đầu tiên của Học kì VIII.

Sinh viên sẽ xin triển khai đề tài khóa luận của mình tại doanh nghiệp và theo sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn.

Kết thúc thời gian thực tập (10 tuần), sinh viên nộp báo cáo và nhận xét đánh giá của doanh nghiệp thực tập.

Sinh viên tiếp tục hoàn thành đề tài để chuẩn bị báo cáo khóa luận vào tuần 16 của học kì VIII.

9.2 Làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học chuyên đề tốt nghiệp

Vào tuần 10 của học kì VII Khoa sẽ triển khai cho sinh viên đăng ký phương án học chuyên đề hoặc Khóa luận tốt nghiệp. Khoa sẽ xét để sinh viên đủ điều kiện được làm khóa luận tốt nghiệp (10% sĩ số lớp và ĐTB $\geq$ 7) còn lại sẽ học chuyên đề tốt nghiệp theo quy định của nhà trường.

9.2.1 *Làm khóa luận tốt nghiệp:*

Khoa phân công giảng viên hướng dẫn làm khóa luận tốt nghiệp đối với sinh viên đủ điều kiện làm khóa luận.

Sinh viên thực hiện khóa luận tốt nghiệp dưới sự hướng dẫn của giảng viên trong thời gian từ khi sinh viên học chuyên đề đến khi kết thúc thực tập.

Sinh viên viết đề cương chi tiết về khóa luận, nộp cho giảng viên hướng dẫn.

Giảng viên hướng dẫn góp ý, chỉnh sửa Đề cương chi tiết.

Bộ môn góp ý về đề cương chi tiết của sinh viên.

Sinh viên vừa thực tập tại doanh nghiệp (hoặc với giáo viên hướng dẫn) vừa triển khai để hoàn thành khóa luận.

Giảng viên hướng dẫn viết nhận xét với điểm đánh giá.

Khóa luận được phản biện và bảo vệ khóa luận tốt nghiệp trước hội đồng.

9.2.2 *Học chuyên đề tốt nghiệp:*

Sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp sẽ học 4 tín chỉ cho các chuyên đề tốt nghiệp trong thời gian đầu học kì VIII và thi kết thúc môn chuyên đề tốt nghiệp.

❖ Thỏa thuận của các đơn vị, cơ sở bên ngoài về việc nhận sinh viên thực tập:

Trường đại học Kinh tế - Luật có ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp, đơn vị trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là những đơn vị hoạt động trong lĩnh vực quản lý, bao gồm những doanh nghiệp tiếp nhận sinh viên thực tập.

Bảng 1: Danh mục các doanh nghiệp thỏa thuận hợp tác với nhà trường

STT	Tên công ty	Lĩnh vực	Hình thức hợp tác
1	Tiki	Thương mại điện tử	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
2	Lazada	Thương mại điện tử	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
3	Shopee	Thương mại điện tử	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
4	Sendo	Thương mại điện tử	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
5	Haravan	Thương mại điện tử	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
6	KMS	Công nghệ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
7	SAP	Giải pháp quản lý DN	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
8	Fsost	Công nghệ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
9	TMA	Công nghệ	Tuyển dụng
10	Bosch	Công nghệ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
11	FE Credit	Tài chính	Tuyển dụng
12	OYO	Du lịch	Tuyển dụng
13	FIS	Giải pháp quản lý DN	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
14	SIFT	Xử lý dữ liệu	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
15	VNG	Công nghệ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
16	SSG	Công nghệ	Tuyển dụng
17	Aperia	Công nghệ	Tuyển dụng
18	Trobz	Giải pháp quản lý DN	Tuyển dụng
19	Isentia	Nghiên cứu thị trường	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
20	CSC	Công nghệ	Tuyển dụng

21	Citek	Giải pháp quản lý DN	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
22	FAST	Giải pháp quản lý DN	Tuyển dụng
23	DigiNet	Giải pháp quản lý DN	Tuyển dụng
24	BYS	Giải pháp quản lý DN	Tuyển dụng
25	SS4U	Giải pháp quản lý DN	Tuyển dụng
26	Standard Chartered	Tài chính	Tuyển dụng
27	Techcombank	Tài chính	Tuyển dụng
28	OCB	Tài chính	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
29	Home Credit	Tài chính	Tuyển dụng
30	TGDD	Bán lẻ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
31	Vincom Retail	Bán lẻ	Tuyển dụng
32	PNJ	Bán lẻ	Tuyển dụng
33	Masan	Bán lẻ	Tuyển dụng
34	Grab	Công nghệ	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
35	PwC	Kiểm toán	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
36	EY	Kiểm toán	MOU - Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
37	KPMG	Kiểm toán	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
38	Deloitte	Kiểm toán	MOU - Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
39	Microsoft	Công nghệ	Tuyển dụng
40	Nielsen	Nghiên cứu thị trường	Hợp tác chuyên môn - Tuyển dụng
41	Vintech		MOU – Tài trợ
42	Rangsit University – Thái Lan		MOU – Trao đổi sinh viên, hợp tác chuyên môn
43	Chang Jung		MOU – Trao đổi sinh viên, hợp

	Christian University, Taiwan		tác chuyên môn
44	PSU Uihakcenter		MOU – Trao đổi sinh viên, hợp tác chuyên môn
45	Kyungpook National University in Republic of Korea		MOU – Trao đổi sinh viên, hợp tác chuyên môn
46	Deahan Society of Industrial Management		MOU – Hợp tác chuyên môn, nghiên cứu
47	Deakin University		MOU – Hợp tác chuyên môn, nghiên cứu

10. Tóm tắt đề cương môn học

STT	Tên môn	Tín chỉ	Điều kiện tiên quyết	Mô tả nội dung môn học
1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LT: 2; TH: 0		Môn học trang bị cho người học những tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại; Đảng Cộng sản Việt Nam; về-xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; đạo đức, nhân văn và văn hoá.
2	Kinh tế vi mô 1 (MICROECONOMICS)	LT: 3; TH: 0	Toán cao cấp	Bao gồm những nội dung cơ bản của kinh tế vi mô: Cung cầu thị trường, cân bằng cung cầu, hành vi người tiêu dùng, doanh nghiệp và sản xuất, lý thuyết chi phí, thị trường cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, độc quyền nhóm, cạnh tranh độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất....

3	Lý luận nhà nước và pháp luật (FUNDAMENTALS OF LEGISLATION)	LT: 3; TH: 0	Nội dung môn học bao gồm 7 chương về các vấn đề của pháp luật và hệ thống luật Việt Nam
4	Toán cao cấp (Higher Mathematics)	LT: 5; TH: 0	Phần đầu của môn học trang bị các kiến thức nhập môn về ĐSTT và một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT trong kinh tế, đặc biệt là QHTT. Phần 2 trang bị kiến thức về phép tính vi phân hàm nhiều biến, sơ lược về tích phân bội và phương trình vi phân, các ứng dụng cơ bản của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế. Nội dung bao gồm: Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; không gian R^n; giá trị riêng, vector riêng của ma trận; dạng toàn phương; một số ứng dụng cơ bản của ĐSTT và QHTT trong kinh tế; bài toán QHTT và phương pháp đơn hình, bài toán QHTT đối ngẫu. Hàm nhiều biến, sơ lược về giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến, đạo hàm riêng và vi phân, cực trị địa phương và cực trị toàn cục của hàm hai biến; sơ lược về tích phân kép và phương trình vi phân cấp 1, cấp 2; ứng dụng của giải tích một biến và nhiều biến trong kinh tế.
5	Tin học cơ sở (FUNDAMENTAL INFORMATICS)	LT: 2; TH: 1	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về tư duy lập trình, cách tiếp cận các phương pháp lập trình, viết lưu đồ giải thuật. Kỹ năng lập trình các ứng dụng cơ bản với ngôn ngữ C#, cách tách chương trình thành nhiều module để xử lý, cách chuyển thể các nghiệp vụ ngoài đời thực vào phần mềm máy tính.

6	Giới thiệu ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo (Introduction to Business Analytics and AI)	LT: 2; TH: 0	Với mục tiêu môn học giới thiệu cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo; trang bị cho sinh viên những kỹ năng và phương pháp học đại học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng viết báo cáo, giao tiếp văn bản và trình bày ý kiến. Môn học này còn giới thiệu chi tiết từng môn học và từng chuỗi môn học thuộc chương trình đào tạo cũng sẽ được giới thiệu để sinh viên có thể định hướng rõ ràng trong suốt quá trình học tập, khám phá tiềm năng của bản thân để lựa chọn nghề nghiệp phù hợp và cảm hứng để học ngành đã chọn. Sinh viên được tham quan và tìm hiểu thực tế doanh nghiệp, khảo sát các ngành nghề kinh doanh thông qua các website thương mại điện tử trên Internet, các quy trình kinh doanh và phân tích dữ liệu để phục vụ mục đích quản trị doanh nghiệp. Từ đó, sinh viên hã năng vận dụng các kỹ thuật khai phá dữ liệu nhằm phát hiện các tri thức mới hỗ trợ ra quyết định tại tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực cụ thể.
7	Văn hóa học (CULTURISM)	LT: 2; TH: 0	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, phương pháp học tập, nghiên cứu sau: - Phương pháp, đối tượng nghiên cứu văn hoá học. - Khái niệm văn hoá, văn minh, các trào lưu, trường phái văn hoá học. - Phương pháp ứng dụng văn hoá học trong kinh tế, du lịch. - Chủ trương, chính sách văn hoá, văn hoá học trong bối cảnh mới.

8	Xã hội học (SOCIOLOGY)	LT: 2; TH: 0	Ngoài việc giới thiệu một số kiến thức lý luận, phương pháp luận, phương pháp nghiên cứu xã hội học..., môn học còn giúp sinh viên hiểu rằng xã hội là một hệ thống phong phú bởi nó bao gồm nhiều vấn đề phức tạp của xã hội hiện đại. Nội dung môn học gồm 14 chương, trình bày sơ lược về những điều kiện, tiền đề của sự ra đời ngành xã hội học, lịch sử hình thành và phát triển của khoa học này (từ chương 1 đến chương 3), những vấn đề cơ bản của xã hội học (từ chương 4 đến chương 12), các chuyên ngành xã hội học (chương 13) và phương pháp nghiên cứu xã hội học (chương 14).
9	Cơ sở văn hóa Việt Nam	LT: 2; TH: 0	Ngoài các lý luận cơ bản về văn hóa, văn hóa học và định vị chủ thể, không gian, tiến trình văn hóa Việt Nam, môn học bao gồm các tri thức về các thành tố văn hóa cơ bản: văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức, văn hóa ứng xử của Việt Nam.
10	Địa chính trị thế giới (POLITIC POLICIES IN THE WORLD)	LT: 2; TH: 0	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những lý thuyết về Địa chính trị trên thế giới, trên cơ sở đó phân tích, lý giải và nắm vững các sự kiện chính trị, diễn biến chính trị theo các khu vực địa lý từ không gian hẹp của một vùng, quốc gia, một khu vực (nhóm quốc gia) đến các châu lục và toàn cầu.
11	Quan hệ quốc tế (INTERNATIONAL RELATIONS)	LT: 2; TH: 0	Môn học sẽ nghiên cứu về các chủ thể trong quan hệ quốc tế, quyền lực trong quan hệ quốc tế, Hệ thống quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Công cụ trong quan hệ quốc tế, Hợp tác và hội nhập trong

				quan hệ quốc tế
12	Lịch sử văn minh thế giới	LT: 2; TH: 0		Nhập môn Lịch sử văn minh thế giới: khái niệm lịch sử, văn hóa, văn minh, văn hiến, Phương Đông, Phương Tây, phân kỳ lịch sử, đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và tiếp cận, ý nghĩa môn học... Lịch sử Văn minh Phương Đông: Văn minh Ai Cập cổ đại; Văn minh Ấn Độ; Văn minh Trung Hoa; Văn minh Arập Lịch sử Văn minh Phương Tây: Văn minh Phương Tây cổ đại: Hy Lạp và La Mã; Văn minh Phương Tây Âu trung đại Khái lược sự tiếp xúc, giao lưu văn minh Phương Đông và Phương tây thời cổ - trung đại. Phần văn minh Lưỡng Hà cổ đại, Văn minh công hiệp và Văn minh thế kỷ XX người học tự nghiên cứu và trao đổi với giảng viên.

13	Luật doanh nghiệp (Corporation law)	LT: 3; TH: 0		Những nội dung cơ bản về doanh nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về loại hình doanh nghiệp, mô tả cơ bản quy chế pháp lý về từng loại hình doanh nghiệp; Trong từng nội dung cụ thể, nội dung của môn học sẽ giúp người học tiếp cận từng vấn đề cụ thể trong việc tổ chức quản trị doanh nghiệp, quy định về quy chế tài chính của doanh nghiệp và quan hệ pháp lý giữa chủ sở hữu với doanh nghiệp, các thành viên công ty với nhau; Nội dung môn học còn giúp người học nắm rõ quy chế pháp lý về tổ chức lại doanh nghiệp như chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và chuyển đổi các loại hình doanh nghiệp.
14	Kinh tế vĩ mô 1 (MACROECONOMICS)	LT: 3; TH: 0	Toán cao cấp, Kinh tế học vi mô	Môn học gồm 9 chương, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản phân tích tương tác giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản. Gồm các nội dung cơ bản sau: - Tính sản lượng quốc gia và thu nhập quốc dân - Xác định tổng cung, tổng cầu, chính sách tài khóa - Thị trường tiền tệ và chính sách tiền tệ - Lạm phát và thất nghiệp - Nền kinh tế mở - Tăng trưởng và phát triển kinh tế
15	Nguyên lý kế toán (PRINCIPLES OF ACCOUNTING)	LT: 3; TH: 0		Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về kế toán như vai trò, chức năng, nhiệm vụ, ... của kế toán; Ngoài ra môn học này còn giúp sinh viên nắm chắc nội dung các phương pháp và nguyên tắc kế toán tạo tiền đề giúp sinh viên tiếp

				tục nghiên cứu các môn kế toán ngành.
16	Quản trị học căn bản (MANAGEMENT THEORIES)	LT: 3; TH: 0		Môn học cung cấp cho người học những nguyên lý và kỹ thuật cần được thực hiện khi con người kết hợp với nhau thành các tổ chức để hoàn thành những mục tiêu chung. Môn học bắt đầu với quản trị là gì và nhà quản trị là ai, làm gì, làm việc ở đâu? Tại sao phải nghiên cứu quản trị? Những khía cạnh của môi trường bên trong và bên ngoài của tổ chức và tác động của các yếu tố môi trường đến hoạt động của tổ chức. Nguyên tắc, hình thức và nguồn thông tin; thông tin trong tổ chức và quản trị thông tin như thế nào? Các mô hình và khái niệm cơ bản được các nhà quản trị trong tổ chức sử dụng để đưa ra các quyết định. Bốn chức năng quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra.
17	Lý thuyết xác suất (PROBABILITY AND STATISTICS)	LT: 2; TH: 0	Toán cao cấp	Học phần giới thiệu những kiến thức cơ bản và cốt lõi của lý thuyết xác suất nhằm giúp sinh viên hiểu được các hiện tượng ngẫu nhiên - đối tượng nghiên cứu cơ bản của xác suất; hiểu và biết tính khả năng xảy ra (xác suất) của các biến cố ngẫu nhiên và biết áp dụng một cách thích hợp trong thực tiễn. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên một số quy luật phân phối xác suất cơ bản thông dụng làm nền tảng cho

				các môn Thống kê ứng dụng và Kinh tế lượng.
18	Kỹ thuật lập trình với Python (PROGRAMMING TECHNIQUES WITH PYTHON)	LT: 2; TH: 1		Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về lập trình và ngôn ngữ lập trình Python, bao gồm: cách hình thành lời giải, cấu trúc chương trình, các bước của lập trình, các kiểu dữ liệu trên Python, các cấu trúc điều kiện, vòng lặp, phương thức, xử lý chuỗi, danh sách, tập tin, và xử lý giao diện Tkinter.
19	Triết học Mác - Lênin	LT: 3; TH: 0		Trang bị cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận duy vật biện chứng và duy vật lịch sử của Triết học Mác - Lênin. Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Triết học Mác - Lênin vào phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống đặt ra.
20	Tâm lý học đại cương (FUNDAMENTAL PSYCHOLOGY)	LT: 2; TH: 0		Thông qua môn học sinh viên có khả năng nắm được những đặc điểm đặc trưng, cơ chế nảy sinh, hình thành và biểu hiện cụ thể của các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người qua đó biết vận dụng những hiểu biết về tâm lý vào trong giao tiếp ứng xử và trong cuộc sống lao động, học tập.



21	Nhập môn khoa học giao tiếp (INTRODUCTION TO SCIENCE COMMUNICATION)	LT: 2; TH: 0	Môn học bao gồm 9 chương. Qua đó giới thiệu cho sinh viên hiểu rõ các khái niệm cơ bản về giao tiếp, truyền thông; thế nào là hành vi, nguồn gốc của hành vi. Đồng thời sinh viên nhận thức nhu cầu là động lực giúp con người hành động và tự đánh giá mình. Sinh viên nhận thức được về các yếu tố của truyền thông không lời và truyền thông có lời từ đó biết cách cải tiến truyền thông có lời hiệu quả để tăng cường và phát triển mối quan hệ...
22	Nhân học đại cương	LT: 2; TH: 0	Kiến thức (G2.1): Là môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nên mục tiêu trang bị cho sinh viên những kiến thức để (G2.1.1) hiểu ngành khoa học nghiên cứu về con người, trên các phương diện sinh học, văn hóa, xã hội; (G2.1.2) hiểu mối liên hệ giữa ngành nhân học với các ngành khoa học khác như lịch sử, triết học, tôn giáo, tâm lý học...; (G2.1.3) hiểu về phương pháp, lý thuyết và cách tiếp cận nghiên cứu của ngành nhân học. Kỹ năng (G2.2): Trang bị cho sinh viên các kỹ năng trong (G2.2.1) nghiên cứu nghiên cứu nhân học, (G2.2.2) hiểu về cách vận dụng phương pháp, lý thuyết khi nghiên cứu cứu những vấn đề liên quan đến nhân học. Thái độ (G2): Sinh viên biết tôn trọng sự đa dạng văn hóa của các tộc người người ở Việt Nam và trên thế giới.

23	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LT: 2; TH: 0	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những nhận thức về: Vai trò của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước, kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam qua các thời kỳ. Đồng thời còn cung cấp toàn cảnh những đổi mới quan trọng về nhận thức và chính sách của Đảng từ năm 1986 trở lại đây qua các kì đại hội đảng. Những bài học kinh nghiệm này là cơ sở để người học củng cố lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc và ý thức trách nhiệm của người học trong xây dựng niềm tin về sự lãnh đạo của Đảng trong bối cảnh hội nhập hiện nay.
24	Marketing căn bản (PRINCIPLES OF MARKETING)	LT: 3; TH: 0	Môn học Marketing căn bản tập trung giảng dạy các lý thuyết cơ bản về phân tích môi trường marketing, khách hàng, ngành và đối thủ cạnh tranh; phân khúc thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; và một số vấn đề liên quan đến sản phẩm, định giá, phân phối bán hàng và chiêu thị và Thương hiệu.

25	Nguyên lý thị trường tài chính (ECONOMICS OF MONEY AND FINANCIAL MARKETS)	LT: 3; TH: 0	Kinh tế học căn bản	Gồm những kiến thức liên quan đến công cụ, kỹ năng, phương pháp tư duy kinh tế ở một số nguyên lý kinh tế cơ bản như: cấu trúc và tổ chức của thị trường tài chính trong và ngoài nước; giải thích phạm trù tài chính, vai trò ngân sách nhà nước; một cách tiếp cận đơn giản với vấn đề lựa chọn tài sản đầu tư (lý thuyết lượng cầu tài sản); khái niệm về sự cân bằng, phân tích cung cầu; phân tích biến động và cấu trúc rủi ro của lãi suất; hoạt động trên thị trường ngoại hối; chênh lệch thông tin (lựa chọn nghịch và rủi ro đạo đức).....
26	Thống kê ứng dụng	LT: 3; TH: 0	Toán Cao cấp, Lý thuyết Xác suất	Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế – xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp phân tích kinh tế – xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế.
27	Phân tích dữ liệu cơ bản (Basic data Analytics)	LT: 3; TH: 0		Phân tích dữ liệu là một môn học có tính liên ngành cao kết hợp giữa toán học thống kê, kinh tế, tài chính, tiếp thị và khoa học máy tính, liên quan đến các phương pháp và kỹ thuật nhằm chuyển hóa dữ liệu thành thông tin hữu ích từ đó hỗ trợ doanh nghiệp và các tổ chức đưa ra những quyết định quan trọng, đúng thời điểm.

28	Cơ sở dữ liệu (INTRODUCTION TO DATABASE)	LT: 2; TH: 1	Môn học trình bày về vai trò, nhu cầu và cách thức của việc quản trị dữ liệu có cấu trúc trong các hệ thống thông tin doanh nghiệp. Môn học giới thiệu các mô hình cơ sở dữ liệu phổ biến, đi sâu vào trình bày và phân tích về mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ và các ứng dụng. Sau khi hoàn thành môn học, người học sẽ có đủ các kỹ năng và kiến thức cần thiết để thực hiện đầy đủ các giai đoạn của quá trình xây dựng một cơ sở dữ liệu đáp ứng nhu cầu lưu trữ và khai thác thông tin cho các vấn đề quản trị được đặt ra. Môn học gồm 4 phần: • Phần một: Giới thiệu về cơ sở dữ liệu và mô hình cơ sở dữ liệu quan hệ, các giai đoạn xây dựng cơ sở dữ liệu. • Phần hai: Sử dụng ngôn ngữ truy vấn dữ liệu có cấu trúc – SQL trong quản trị cơ sở dữ liệu và khai thác thông tin. • Phần ba: Chuẩn hóa cơ sở dữ liệu, giới thiệu các dạng chuẩn, đưa ra các giải pháp để đánh giá và tối ưu hóa cơ sở dữ liệu. • Phần bốn: Lập trình phần mềm khai thác cơ sở dữ liệu với C# theo mô hình 3 lớp.
29	Tin học ứng dụng	LT: 2; TH: 0	MH gồm kiến trúc máy tính; MS Word, MS Powerpoint; mạng máy tính và Internet, An toàn dữ liệu; cơ sở dữ liệu quan hệ, MS Access; MS Excel; phân tích dữ liệu.

30	Logic học (LOGIC)	LT: 2; TH: 0	Toàn bộ học phần Logic học gồm 06 chương, cụ thể: - Chương 1: Nhập môn Logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Các quy luật cơ bản của logic hình thức cơ bản - Chương 5: Suy luận - Chương 6: Chứng minh
31	Kinh tế chính trị Mác Lênin	LT: 2; TH: 0	Những lý luận cơ bản của kinh tế chính trị học Mác – Lênin, gồm: lý luận sản xuất hàng hoá, các quy luật căn bản của thị trường; lý luận giá trị thặng dư của C. Mác; lý luận về chủ nghĩa tư bản độc quyền và độc quyền nhà nước. Nội dung cơ bản về vận dụng học thuyết Mác- Lênin trong thời kỳ xây dựng CNXH ở Việt Nam: kinh tế thị trường định hướng XHCN; vấn đề sở hữu và quan hệ lợi ích; công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, hội nhập quốc tế.
32	Phân tích dữ liệu với R (Data Analytics with R)	LT: 2; TH: 1	This course introduces the fundamentals of data analytics with R. It first reviews several most popular R libraries in data science, dplyr, plotly, and ggplot2. Then it focuses on basics of statistics concepts, time series analysis, and natural language processing. The course follows a streamline of data analytics projects with R as the tool. The course uses the hand-on approach, integrating the concepts of data analytics with R code examples.

33	Kế toán quản trị	LT: 3; TH: 0	Môn học kế toán quản trị cung cấp cho sinh viên các kỹ năng thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho các nhà quản trị bên trong doanh nghiệp để ra các quyết định kinh doanh. Nội dung tóm tắt môn học: - Khái niệm và vai trò của kế toán quản trị, sự khác nhau giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính. - Các cách phân loại chi phí khác nhau để đáp ứng yêu cầu quản lý - Các phương pháp xác định chi phí phù hợp với đặc điểm sản xuất tại doanh nghiệp. - Ứng dụng mối quan hệ giữa chi phí, khối lượng tiêu thụ, lợi nhuận để ra quyết định. - Ý nghĩa, nguyên tắc và phương pháp lập dự toán và phân tích biến động chi phí để kiểm soát chi phí. - Các công cụ để đánh giá thành quả quản lý của các nhà quản lý ở các trung tâm trách nhiệm khác nhau - Thông tin thích hợp để ra quyết định kịp thời và các công cụ của kế toán để chứng minh cho các quyết định trong quá trình hoạt động.
----	------------------	-----------------	--



34	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information Systems)	LT: 3; TH: 0		Môn học gồm 4 phần: Phần một: giới thiệu các kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, các thành phần của một hệ thống thông tin. Phần hai: cung cấp các kiến thức về các loại hệ thống thông tin theo các khía cạnh quản lý và chức năng; các hệ thống thông tin trong thực tế hiện nay như ERP, SCM, CRM. Phần ba: trang bị kiến thức về quy trình xây dựng và phát triển hệ thống thông tin. Phần bốn: giới thiệu kiến thức để quản lý, bảo mật và kiểm soát hệ thống thông tin.
35	Kinh tế quốc tế (International Economics)	LT: 2; TH: 0	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô	Môn học gồm 7 chương, xem phần nội dung chi tiết môn học.

36	Hệ thống thông tin kinh doanh (Business Information System)	LT: 2; TH: 0	Môn học gồm 2 phần: Phần I: Giới thiệu các khái niệm cơ bản như Tổ chức, Doanh nghiệp, Nghiệp vụ trong doanh nghiệp, Hệ thống quản trị doanh nghiệp và đặc biệt là khái niệm ERP (Enterprise Resource Planning – Hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp). Trình bày các qui trình, giai đoạn và những vấn đề đặt ra trong việc xây dựng & triển khai các Hệ thống ERP, vai trò của ERP đối với việc hỗ trợ quản trị doanh nghiệp. Trong phần này, sinh viên được tiếp cận cũng như thực hành trên Hệ thống ERP được xem là có qui mô lớn nhất hiện nay trên toàn thế giới là SAP ERP với gói Dataset GBI phiên bản 2.1 2011 (gói này chứa dữ liệu của doanh nghiệp mẫu Global Bike Incorporated do SAP xây dựng để phục vụ cho việc đào tạo về ERP cho các trường đại học có tham gia chương trình SAP UAP – University Alliances Program, trong đó trường đại học Kinh tế - Luật là một thành viên). Phần II: Trình bày các phân hệ chuẩn của SAP ERP và các qui trình nghiệp vụ chủ chốt là Kế toán (Accounting), Bán hàng (Fulfillment), Mua hàng (Procurement). Trình bày sự tích hợp của các qui trình này trong một Hệ thống ERP qua các Master data, tính Cross-functional giữa các qui trình để tạo nên một Hệ thống nghiệp vụ thống nhất.
----	---	-----------------	--



37	Phương pháp nghiên cứu khoa học (RESEARCH METHODOLOGY)	LT: 2; TH: 0	Toán cao cấp, Lý thuyết xác suất	Môn “Phương pháp nghiên cứu khoa học” được giảng dạy với các nội dung chính: nghiên cứu, các bước tiến hành một nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu định lượng và nghiên cứu định tính, các phương pháp thu thập thông tin, dữ liệu và các phương pháp phân tích số liệu phục vụ nghiên cứu, các nội dung và trình tự nội dung của một báo cáo nghiên cứu như luận văn, và giới thiệu những vấn đề nghiên cứu kinh tế trên các khía cạnh vĩ mô và vi mô. Trong các nội dung trình bày sẽ có các thảo luận về bài tập tình huống có liên quan, đồng thời gợi ý các chuyên đề (tiểu luận) có thể vận dụng phương pháp được học như thế nào.
38	Kỹ năng làm việc theo nhóm (Teamwork)	LT: 2; TH: 0	Quản trị học, Marketing căn bản	Kỹ năng làm việc nhóm là một trong những kỹ năng mềm rất cần thiết trong cuộc sống hàng ngày cũng như trong công việc. Muốn có kỹ năng làm việc nhóm tốt, các sinh viên phải hiểu rõ các lý thuyết cơ bản và bản chất quá trình nhóm làm việc, đồng thời các sinh viên phải vận dụng, phải quan sát và trải nghiệm thực tế để tự rút ra các bài học. Sinh viên sẽ có thể áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm vào quá trình học tập; thành lập, xây dựng nhóm, phân công công việc hợp lý; xây dựng được quy tắc làm việc chung trong nhóm; biết cách áp dụng các nguyên tắc và các kỹ năng cơ bản trong làm việc nhóm; thực hành được một số kỹ năng làm việc nhóm như: kỹ năng trình bày, kỹ

				năng giải quyết vấn đề, kỹ năng xử lý mâu thuẫn, kỹ năng tổ chức cuộc họp, kỹ năng lãnh đạo; và duy trì được tinh thần làm việc đồng đội hiệu quả. Môn học này phục vụ cho rất nhiều đối tượng: làm việc trong kinh doanh, hành chính, trong nhóm công tác xã hội, làm việc với cộng đồng,.... Đặc biệt đối với sinh viên, kỹ năng làm việc nhóm sẽ giúp các bạn hòa nhập nhanh chóng với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp và thăng tiến sự nghiệp.
39	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán) Parallel & Distributed Database Systems	LT: 2; TH: 1	Cơ sở dữ liệu	Khóa học có hai mục tiêu chính. Đầu tiên là một nghiên cứu chuyên sâu về các vấn đề quản lý cơ sở dữ liệu phân tán cổ điển như thiết kế phân phối, xử lý và tối ưu hóa truy vấn phân tán và quản lý giao dịch phân tán. Mục tiêu thứ hai là nghiên cứu thêm các chủ đề quản lý cơ sở dữ liệu phân tán hiện tại như điện toán lan tỏa, các mô hình phân tán khác nhau (đẩy so với kéo), khả năng tương tác và thành phần hóa và khai thác dữ liệu trên web.
40	Phân tích dữ liệu văn bản	LT: 2; TH: 1		Môn học này giới thiệu các nguyên tắc cơ bản của phân tích văn bản. Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của quá trình chuyển đổi dữ liệu văn bản phi cấu trúc thành dữ liệu có ý nghĩa, sau đó phân tích, để đo lường ý kiến khách hàng, đánh giá sản phẩm, phản hồi, nhằm cung cấp cơ sở tìm kiếm, phân tích tình cảm và mô hình hóa thực thể để hỗ trợ ra quyết định dựa trên thực tế. Môn học phân tích văn bản tập trung vào nhiều kỹ thuật



				ngôn ngữ, thống kê và máy học.
41	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh	LT: 3; TH: 0		Artificial Intelligence in Business analytics provides an introduction to business intelligence and analytics using artificial intelligence, which include the use of data, statistical and quantitative analysis, exploratory and predictive models, and evidence-based methods to inform business decisions and actions. The identification of analysis model, and relevant business questions – and the iteration of these throughout the decision-making process – to provide value to organizations is highlighted throughout the semester. The application of analysis models to business decision-making situations is illustrated. Students actively participate in the delivery of this course through assignments, portfolio development, and projects. Upon successful completion of this course, students will be able to: • Understand the Artificial Intelligence in Business analytics and its Use cases • Understand An Artificial Intelligence in Business analytics Project • Understand conjoint analysis and make projects • Understand discrete choice modelling • Remarkable predictive models: via classification

				Remarkable predictive models with Bayes nets
42	Nhà kho dữ liệu và tích hợp (DATA WAREHOUSE AND INTEGRATION)	LT: 2; TH: 1		Môn học này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng thiết kế giải pháp kho dữ liệu và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau cho mục tiêu phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định. Trong đó, sinh viên sẽ biết cách nhận dạng, xác định yêu cầu, thu thập, tổ chức và tích hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau vào kho dữ liệu. Cụ thể hơn, môn học giới thiệu các cấu trúc cơ sở dữ liệu như kho lưu trữ dữ liệu, dữ liệu theo chủ đề, cũng như các thành phần của chúng. Môn học nghiên cứu sự khác biệt giữa các cách tiếp cận, vai trò và trách nhiệm của Ralf Kimball và Bill Inmon trong việc thiết kế và triển khai kho dữ liệu, hướng dẫn và kỹ thuật quản lý dự án, thu thập yêu cầu, mô hình hóa chiều, kiến trúc tích hợp dữ liệu (Extract Transform và Load - ETL), đặc tả và tải dữ liệu, quản lý dữ liệu master và các phương pháp tích hợp dữ liệu (ETL, EII, EAI) và cuối cùng là hoàn tất việc xây dựng nhà kho dữ liệu với dữ liệu được tích hợp từ nhiều nguồn khác nhau để sẵn sàng cho việc phân tích dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định. Bên cạnh đó, môn học cũng sẽ giúp



				sinh viên có khả năng khai thác các công cụ SQL Server bao gồm SQL Server DBMS, SQL Server Integration Services (SSIS) để cung cấp cho sinh viên những kỹ năng và kinh nghiệm thực hành trong việc thực hiện giải pháp kho dữ liệu thông qua các bài tập, tình huống và các dự án.
43	Phương pháp tối ưu trong học máy	LT: 3; TH: 0		Khóa học này giới thiệu một loạt các mô hình học máy và các công cụ tối ưu hóa được sử dụng để áp dụng các mô hình này trong thực tế. Đối với các sinh viên với một số nền tảng ML, khóa học này sẽ giới thiệu những gì ẩn chứa đằng sau các công cụ tối ưu hóa cũng như sự hiểu biết về sự đánh đổi của độ chính xác số và độ phức tạp về lý thuyết và thực nghiệm. Các sinh viên yêu thích với một số nền tảng tối ưu hóa khóa học này sẽ giới thiệu nhiều ứng dụng trong học máy và thống kê cũng như các phương pháp tối ưu hóa nhằm mục tiêu vào các ứng dụng này.
44	Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing	LT: 3; TH: 0		Nội dung môn học gồm 6 chương, thể hiện chi tiết trong đề cương

45	Phân tích và thiết kế HTTT quản lý (Analysis and Design of Management Information System)	LT: 2; TH: 1	Tin học cơ bản, cơ sở dữ liệu, Kỹ thuật lập trình	Môn học gồm 4 phần: - Phần một: giới thiệu & ôn lại các kiến thức về hệ thống thông tin nói chung và hệ thống thông tin quản lý nói riêng; trình bày các giai đoạn & các phương pháp được ứng dụng tại mỗi giai đoạn của quá trình phân tích & thiết kế, ưu khuyết điểm của các phương pháp; thực trạng ứng dụng và triển khai hệ thống thông tin quản lý tại nước ta hiện nay, các thuận lợi, khó khăn cũng như xu hướng phát triển, các vị trí công việc có liên quan. - Phần hai: trình bày cụ thể từng giai đoạn như khảo sát hiện trạng, phân tích yêu cầu, thiết kế các thành phần, đề xuất các giải pháp xây dựng, ...
46	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	LT: 3; TH: 0		Môn học này trình bày một số kỹ thuật máy học trong bối cảnh kinh doanh và quản lý. Tìm hiểu một số phương pháp phân loại và dự đoán chủ yếu được giám sát.
47	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định (BUSINESS INTELLIGENCE AND DECISION SUPPORT SYSTEMS)	LT: 2; TH: 1		Môn học này giúp cho sinh viên hiểu rõ và có khả năng xây dựng và triển khai giải pháp quản trị doanh nghiệp thông minh (Business Intelligence - BI) và khai thác các công cụ phân tích dữ liệu hỗ trợ ra quyết định như Power BI và Tableau. Việc quản lý dữ liệu, thông tin và đưa ra những thống kê, báo cáo đóng vai trò rất quan trọng đối với mọi đơn vị, tổ chức và đặc biệt là các doanh nghiệp. Các thống kê báo cáo trong BI nhằm cung cấp các thông tin trực quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời sẽ giúp các nhà quản trị trong việc đánh giá, dự báo

			tình hình, hoạch định chiến lược cũng như xây dựng chính sách, kế hoạch phát triển doanh nghiệp trong ngắn và dài hạn. Các con số, biểu mẫu thống kê là cơ sở quan trọng nhất để kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các kế hoạch, chiến lược và chính sách đó. Việc học môn học này, sẽ giúp cho sinh viên vận dụng chuỗi các môn học trước đó như: Cơ sở dữ liệu, các môn về kế toán, tài chính và quản lý để tổ chức một hệ thống BI hỗ trợ ra quyết định tốt hơn trong doanh nghiệp dựa trên cơ sở phân tích dữ liệu bên trong và bên ngoài doanh nghiệp và điều này giúp cho doanh nghiệp đạt được lợi thế cạnh tranh. Bên cạnh đó, môn học này sẽ giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng phân tích dữ liệu, kỹ năng mềm và thái độ trong công việc sau này.
48	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LT: 2; TH: 0	Môn học trang bị những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, cung cấp cho sinh viên những căn cứ lý luận khoa học để hiểu về sứ mệnh lịch sử giai cấp công nhân, những vấn đề mang tính quy luật trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH, đường lối chính sách xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.
49	Hệ khuyến nghị (RECOMMENDER SYSTEMS)	LT: 3; TH: 0	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về Hệ khuyến nghị

50	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo (Time Series Analysis and Forecasting)	LT: 3; TH: 0		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về chuỗi thời gian và dự báo
51	Chuyển đổi số trong kinh doanh (Digital transformation in business)	LT: 2; TH: 1		Học phần giới thiệu các kiến thức về chuyển đổi số cũng như trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để có thể tổ chức xây dựng kế hoạch chuyển đổi số phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp. Những nội dung chính của môn học bao gồm: - Khái niệm và các thành phần về chuyển đổi số - Cách tổ chức dữ liệu khi chuyển đổi số - Những công cụ khi triển khai chuyển đổi số Các mô hình kinh doanh ứng dụng chuyển đổi số
52	Trực quan hóa dữ liệu (DATA VISUALIZATION)	LT: 2; TH: 1		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về Trực quan hóa dữ liệu
53	Phân tích dữ liệu truyền thông xã hội (COMMUNICATION NETWORK ANALYSIS)	LT: 2; TH: 0		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về phân tích dữ liệu truyền thông xã hội.
54	Phân tích chuỗi thời gian tài chính (ANALYSIS OF FINANCIAL TIME SERIES)	LT: 3; TH: 0		Nội dung môn học gồm 4 chương, chi tiết trong đề cương
55	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh	LT: 2; TH: 1		Doanh nghiệp trong hầu hết các ngành đều dùng dữ liệu làm căn cứ để đưa ra những quyết định quan trọng để đạt được lợi thế cạnh tranh, kích cầu, tìm kiếm khách hàng mới, cải thiện hệ thống vận hành nội bộ, tối đa hóa lợi nhuận cũng như để đạt được nhiều mục tiêu khác. Chính vì



				thế, kỹ năng phân tích dữ liệu trở nên rất cần thiết để cung cấp các thông tin hữu ích giúp doanh nghiệp đưa ra các quyết định phù hợp. Môn học này cung cấp các kiến thức về học sâu (Deep Learning), một trong những kỹ thuật tiên tiến được áp dụng vào phân tích dữ liệu kinh doanh giúp cải thiện hiệu suất dự đoán so với các mô hình từ học máy truyền thống.
56	Phân tích Marketing số (Digital Marketing Analytics)	LT: 2; TH: 0		Môn học này nằm trong chuỗi các môn học theo hướng ngành Thương mại điện tử - Emarketing nhằm giúp sinh viên hình thành cách nhận thức về phân tích Marketing số. Thông qua việc cung cấp kiến thức nền tảng, lý thuyết và thực hành về phân tích Marketing số, môn học sẽ giúp sinh viên hình thành khả năng phân tích, thiết lập và phân tích Marketing số. Đồng thời, định hướng nghề nghiệp chuyên sâu cho sinh viên trong lĩnh vực Marketing
57	Dữ liệu với công nghệ blockchain (DATA WITH BLOCKCHAIN TECHNIQUES)	LT: 1; TH: 1		Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về Blockchain, những ứng dụng vào nhiều lĩnh vực trong cuộc sống và khả năng ứng dụng Blockchain vào tổ chức dữ liệu và hỗ trợ phân tích dữ liệu.
58	Big Data và Ứng dụng (Big Data and Applications)	LT: 1; TH: 1		- Business data analytics provides an introduction to business intelligence and analytics, which include the use of data, statistical and quantitative analysis, exploratory and predictive



				models, and evidence-based methods to inform business decisions and actions. The identification of data, variables, and relevant business questions – and the iteration of these throughout the decision-making process – to provide value to organizations is highlighted throughout the semester. The application of select data mining techniques to business decision-making situations is illustrated. Students actively participate in the delivery of this course through assignments, portfolio development, and projects. Upon successful completion of this course, students will be able to: • Understand the Big Data Platform and its Use cases • Provide an overview of Apache Hadoop • Provide HDFS Concepts and Interfacing with HDFS • Understand Map Reduce Jobs • Provide hands on Hadoop Eco System • Apply analytics on Structured, Unstructured Data. • Exposure to Data Analytics with R.
--	--	--	--	---

11. Đề cương chi tiết môn học (Xem PHỤ LỤC 1)

12. Đề cương chi tiết môn học Tiếng Anh (Xem PHỤ LỤC 2)

13. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

13.1 Danh sách giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, chức vụ hiện tại	Năm sinh	Chức danh KH, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần đảm nhiệm (dự kiến)
1	Mai Lê Thúy Vân	1982		ThS – 2012	Kinh tế	Kinh tế vi mô
2	Huỳnh Thị Ly Na	1988		ThS – 2014	Kinh tế	Kinh tế vĩ mô
3	Phạm Mỹ Duyên			ThS - 2006	Kinh tế chính trị	Kinh tế chính trị Mác Lênin
4	Nguyễn Thị Thu Trang	1981		TS - 2019	Luật kinh tế	Pháp luật đại cương
5	Đào Thị Thu Hằng	1977		ThS - 2006	Luật kinh tế	Luật doanh nghiệp
6	Nguyễn Đình Ưông	1979		ThS - 2008	Toán ứng dụng	Toán cao cấp
7	Phạm Hoàng Uyên	1976		TS – 2010 (New Mexico State University)	Toán (XSTK)	Lý thuyết xác suất Thống kê trong Quản trị kinh doanh và Marketing Phân tích chuỗi thời gian trong tài chính
8	Lê Thanh Hoa	1983		TS - 2020	Toán ứng dụng	Thống kê ứng dụng
9	Phạm Quốc Thuần	1974		TS – 2016	Kinh doanh và quản lý	Nguyên lý kế toán
10	Phan Đức Dũng		PGS	TS - 2001	Kế toán	Kế toán quản trị
11	Nguyễn Hoàng Anh	1986		TS – 2015 Ritsumeikan Asia Pacific Studies	Asia Pacific Studies	Nguyên lý thị trường tài chính
12	Trần Thị Hồng Liên	1983		TS – 2019 Murdoch University (Australia)	Quản trị kinh doanh	Quản trị học căn bản Chuyển đổi số trong kinh doanh

13	Phùng Thanh Bình	1984		TS – 2017 (National Dong Hwa University, Taiwan)	Quản trị kinh doanh	Marketing căn bản
14	Trần Thị Ánh	1986		ThS - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh
15	Phạm Mạnh Cường	1986		ThS - 2011	Hệ thống thông tin quản lý	Dữ liệu với công nghệ blockchain Phân tích dữ liệu Marketing số
16	Trương Hoài Phan	1976		ThS - 2002	Tin học	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh Nền tảng công nghệ cho hệ thống thông tin
17	Hồ Trung Thành	1975		TS - 2018	Khoa học máy tính	Big data và Ứng dụng Hệ thống thông tin quản lý Nhà kho dữ liệu và tích hợp Phân tích dữ liệu cơ bản Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định
18	Nguyễn Duy Nhất	1980		ThS - 2006	Tin học	Cơ sở dữ liệu Hệ thống thông tin kinh doanh Nhà kho dữ liệu và tích hợp

19	Lê Hoàng Sử	1978		TS – 2016 (Đại học Quốc Gia Pukyong, Hàn Quốc)	E-Business	Giới thiệu ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo Phân tích dữ liệu Marketing số Phân tích dữ liệu văn bản Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh
20	Trần Quang Thân	1966		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán) Phân tích dữ liệu tài chính
21	Triệu Việt Cường	1982		ThS - 2008	Quản trị kinh doanh	Hệ thống thông tin quản lý Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
22	Vũ Thúy Hằng	1988		ThS – 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Hệ thống thông tin kinh doanh Phân tích thiết kế hệ thống thông tin quản lý
23	Lê Hải Nam	1982		ThS - 2007	Khoa học máy tính	Phân tích dữ liệu với R Phân tích dữ liệu mạng truyền thông xã hội
24	Lê Thị Kim Hiền	1990		ThS – 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Phân tích dữ liệu cơ bản Big data và Ứng dụng
25	Lê Quốc Hiếu	1976		TS - 2014	Quản trị Kinh doanh	Phân tích dữ liệu

26	Vũ Văn Điệp	1970		ThS - 2015	Quản trị kinh doanh	Tin học ứng dụng
27	Nguyễn Quang Hưng	1981		ThS - 2016	Quản lý CNTT	Hệ thống thông tin kinh doanh Chuyển đổi số trong kinh doanh
28	Nguyễn Quang Phúc	1989		ThS - 2016	Khoa học máy tính	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh Tin học cơ sở
29	Trần Duy Thanh	1983		ThS - 2015	Khoa học máy tính	Kỹ thuật lập trình với Python Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh
30	Nguyễn Thôn Dã	1980		ThS - 2013	Khoa học máy tính	Hệ khuyến nghị Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo Tin học ứng dụng Trực quan hóa dữ liệu
31	Nguyễn Phúc Sơn			TS – 2009 (Wayne State University, Michigan, USA)	Mathematics	Phương pháp tối ưu trong học máy
32	Phạm Văn Chững			TS – 2010	Xác suất thống kê	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo

13.2 Danh sách giảng viên thỉnh giảng

Số TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần dự kiến đảm nhiệm	Cơ quan công tác hiện tại
1	Kim Thị Dung	GVC - 2002	ThS - 1999	Tâm lý học	- Tâm lý học đại cương	ĐH Khoa học XH & NV
2	Hà Văn Tú		ThS - 2010	Quản lý giáo dục	- Nhập môn khoa học giao tiếp	ĐH Khoa học XH & NV
3	Trần Thanh Huyền		TS - 2017	Quan hệ quốc tế	Quan hệ quốc tế	ĐH Khoa học XH & NV
4	Trần Nam Tiến	PGS - 2013	TS - 2009	Lịch sử cận và hiện đại	Địa chính trị thế giới	ĐH Khoa học XH & NV
5	Nguyễn Anh Thường		TS - 2013	Triết học	- Logic học - Phương pháp nghiên cứu khoa học	ĐH Khoa học XH & NV
6	Nguyễn Ngọc Thơ		TS - 2012	Văn hóa học	Văn hóa học	ĐH Khoa học XH & NV
7	Lê Thị Ngọc Diệp		TS - 2014	Văn hóa học	Cơ sở văn hóa Việt Nam	ĐH Khoa học XH & NV
8	Phạm Khánh Bằng	GVC - 1998	ThS - 1990	Lịch Sử Đảng	- Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học viện hành chính khu vực II
9	Đinh Thị Điều	GVC - 2000	ThS - 1996	Lịch Sử Đảng	- Tư tưởng HCM - Triết học Mác Lênin	Học viện hành chính khu vực II
10	Trần Dũng		TS - 2015	Nhân học	Nhân học đại cương	ĐH Khoa học XH & NV

13.3 Danh sách giảng viên đảm nhiệm môn học bằng Tiếng Anh

STT	Họ tên	Học vị, năm tốt nghiệp	Trình độ ngoại ngữ	Học phần đảm nhiệm (dự kiến)
-----	--------	------------------------	--------------------	------------------------------

1	Lê Hoàn Sử	TS - 2016	TS học tại nước ngoài	- Giới thiệu ngành Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo - Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh - Phân tích dữ liệu văn bản - Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh
2	Hồ Trung Thành	TS - 2018	IELTS 6.0	- Hệ thống thông tin quản lý - Big Data và ứng dụng - Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định - Trực quan hóa dữ liệu
3	Trần Thị Hồng Liên	TS-2018	TS học tại nước ngoài	- Chuyển đổi số trong kinh doanh
4	Phạm Hoàng Uyên	TS-2012	TS học tại nước ngoài	- Phân tích dữ liệu cơ bản
5	Nguyễn Phúc Sơn	TS-2014	TS học tại nước ngoài	- Phân tích dữ liệu với R
6	Nguyễn Duy Nhất	ThS - 2006	TOEIC 815 Sp: 120; Wr: 190	- Nhà kho dữ liệu và tích hợp - Hệ thống thông tin

				tin quản lý
7	Triệu Việt Cường	ThS - 2008	NCS nước ngoài	- Hệ thống thông tin quản lý Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý
8	Vũ Thúy Hằng	ThS - 2013	TOEIC 695 Sp: 130; Wr: 160	- Hệ thống thông tin quản lý - Phân tích và thiết kế Hệ thống thông tin quản lý

13.4 Danh sách trợ giảng tham gia trợ giảng các học phần của CTCLC

STT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Đơn vị công tác	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành đào tạo	Học phần đảm nhiệm (dự kiến)
1	Trần Thị Ánh/1986/Giảng viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Ths – Việt Nam - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định, Big Data và ứng dụng
2	Lê Thị Kim Hiền/1990/Giảng viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Ths – Việt Nam - 2015	Hệ thống thông tin quản lý	Trực quan hóa dữ liệu, Big Data và ứng dụng

3	Vũ Thúy Hằng/1988/ Giảng viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	Ths – Việt Nam - 2013	Hệ thống thông tin quản lý	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định, Trực quan hóa dữ liệu
4	Huỳnh Thanh Tuyền/1988/Chuyên viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	ThS – Việt Nam - 2017	Quản trị kinh doanh	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định, Big Data và ứng dụng
5	Nguyễn Quang Phúc/1989/Giảng viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	ThS – Việt Nam - 2016	Khoa học máy tính	Tin học cơ sở, Kỹ thuật lập trình Python, Cơ sở dữ liệu
6	Trần Duy Thanh/1983/Giảng viên	Trường ĐH Kinh tế - Luật	ThS – Việt Nam - 2015	Khoa học máy tính	Kỹ thuật lập trình Python, Phân tích dữ liệu với R, Cơ sở dữ liệu

14. Danh sách cố vấn học tập

STT	Cố vấn học tập
1	TS. Hồ Trung Thành
2	TS. Lê Hoàn Sử
3	ThS. Trương Hoài Phan

4	ThS. Trần Duy Thanh
5	ThS. Nguyễn Duy Nhất (NCS)
6	ThS. Trần Thị Ánh
7	ThS. Vũ Thúy Hằng
8	ThS. Triệu Việt Cường (NCS)
9	ThS. Lê Thị Kim Hiền (NCS)
10	ThS. Nguyễn Quang Hưng (NCS)
11	ThS. Nguyễn Quang Phúc
12	ThS. Lê Hải Nam

15. Cơ sở vật chất phục vụ học tập:

Đại học Kinh tế - Luật với tổng diện tích đất là 17,12 ha, với tổng diện tích đất sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường là 30,323 m². Để phục vụ đào tạo Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đảm bảo trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

15.1 Phòng học:

Để phục vụ cho công tác giảng dạy, đào tạo và nghiên cứu khoa học của Chương trình cử nhân chất lượng cao, Trường Đại học Kinh tế - Luật đã tiến hành đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Cụ thể như sau:

- Số phòng học phục vụ cho chương trình chất lượng cao là 42 phòng với tổng diện tích 2.760 m² sàn được bố trí tối thiểu 40 ghế/phòng cho các lớp chất lượng cao. Các phòng học và không gian học tập này được trang bị máy lạnh, máy chiếu có độ nét cao, bảng từ, Flipchart, hệ thống âm thanh chuẩn cho giảng dạy. Bên cạnh đó, sinh viên của Chương trình chất lượng cao được ưu tiên sử dụng phòng máy tính, các phòng thực hành mô phỏng về tài chính-kinh doanh-tin học, phòng thảo luận và được trang bị phòng tự học. Trường cũng đã tiến hành đầu tư và dự kiến đưa vào sử dụng phòng Multimedia với máy móc thiết bị hiện đại đồng bộ phục vụ

cho chương trình chất lượng cao và đề án giáo dục 4.0 với tổng kinh phí khoảng 2 tỷ.

- Trang bị hỗ trợ: Thiết bị phục vụ cho thực hành, thực tập của chất lượng cao gồm 02 phòng lab ngoại ngữ gồm 96 máy tính, tai nghe và phần mềm ngoại ngữ tích hợp giáo trình Sanako của Phần Lan đi kèm; dự kiến đưa vào 01 phòng thực hành ngoại ngữ nhằm hỗ trợ sinh viên các chương trình chất lượng cao nâng cao trình độ ngoại ngữ; Phòng mô phỏng thị trường tài chính với dữ liệu nghiên cứu lấy từ Thomson Reuter và các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu tài chính khác như Rotman, Eview, Stata, Matlab; 02 phòng thực hành máy tính với 96 máy tính và 01 phòng thực hành công nghệ thông tin (mô phỏng hoạt động doanh nghiệp) sử dụng phần mềm SAP khoảng 5 tỷ đồng; Trường đã đầu tư hoàn thiện toàn bộ Wifi miễn phí với đường truyền Fiber, ...cùng các trang thiết bị phần cứng như máy chủ, hệ thống lưu trữ, sao lưu dữ liệu,... Sinh viên của Chương trình chất lượng cao cũng được hỗ trợ chỗ ở trong ký túc xá của ĐHQG-HCM.
- Đặc biệt tháng 7 năm 2019 vừa qua, nhà Trường khánh thành và đưa vào sử dụng không gian khởi nghiệp và ngoại ngữ “UEL Starup & Language Space” với diện tích sàn 500 m², nội thất được đầu tư hiện đại, đây là nơi dành cho các bạn sinh viên có đam mê khởi nghiệp sáng tạo và tìm kiếm không gian để rèn luyện tiếng Anh.
- Dự kiến trong tháng 9 năm 2020, Nhà trường sẽ nghiệm thu và đưa vào sử dụng tòa nhà Khối văn phòng khoa KTL.B2 với tổng diện tích sàn 4.032 m², trong đó sẽ dành ra khoảng 1.728 m² phục vụ cho hoạt động của Thư viện, khu tự học, nghiên cứu của sinh viên được đầu tư hiện đại đồng bộ với đầy đủ bàn ghế, máy móc, thiết bị cho sinh viên.

Bảng 2: Thống kê phòng học

STT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	15

2	Phòng học từ 100-200 chỗ	30
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	45
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	17
5	Số phòng học đa phương tiện	6

Bảng 3: Thống kê phòng thực hành, phòng thí nghiệm và trang thiết bị

STT	Tên	Các trang thiết bị chính (ghi rõ số lượng)	
1	Phòng thực hành ngoại ngữ	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm Lab ngoại ngữ và giáo trình tích hợp Sanako	02
2	Phòng thực hành tin học	Máy tính	90
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	04
		Bàn	90
		Ghế	90
		Micro	04
		Headphone	90
		Phần mềm tin học	04
3	Phòng BI Lab	Máy tính	51
		Máy chiếu	02
		Màn chiếu	02
		Máy lạnh	03
		Bàn	45
		Ghế	45
		Micro	02
		Tai nghe có Micro	55
		Máy in	01
		Máy scan	01
		Thiết bị chuyển mạch cho máy tính	02
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Phần mềm SAP Business One	01
4	Phòng thực hành luật	Bàn thẩm phán	03
		Ghế thẩm phán	06

5	Phòng mô phỏng thị trường tài chính	Bàn	20
		Ghế ngồi	80
		Máy tính	40
		Máy chiếu	03
		Màn chiếu	01
		Máy lạnh	02
		Bàn	45
		Ghế	45
		Headphone	45
		Phần mềm Thomson Reuters	01
		Phần mềm Rotman Intetactive Trader (RIT)	01
		Phần mềm xử lý dữ liệu tài chính Matlab 2015a	01
		Phần mềm kinh tế lượng EvIEWS	05
		Phần mềm ước lượng các mô hình tài chính Stata	01
		Hệ thống hội nghị truyền hình	01
		Tivi	01

Tóm lại, hiện nay cơ sở vật chất nhà trường không những đảm bảo không gian học tập, sinh hoạt, tài liệu học tập của sinh viên mà còn có nhiều trang thiết bị hỗ trợ cho việc tự học tập, rèn luyện kỹ năng và nghiên cứu khoa học. Đồng thời nhà trường không ngừng cải tiến không gian, mở rộng số lượng phòng học phục vụ cho chương trình.

15.2 Phòng thí nghiệm và hệ thống thiết bị thí nghiệm chính/thực hành

15.3 Hội trường: Trường đại học Kinh tế-Luật có 1 hội trường với tổng diện tích 923 m² được trang bị hiện đại, sử dụng cho hoạt động công tác của Trường và các hoạt động ngoại khóa, hoạt động phong trào của sinh viên.

15.4 Thư viện:

Thư viện trường với cơ sở chính tọa lạc tại nhà điều hành và học tập của Trường (lầu 2 và lầu 8) và cơ sở hai tại số 45 Đinh Tiên Hoàng, phường Bến Nghé, Quận 1.

Hệ thống thư viện: hệ thống thư viện khoảng 120 chỗ ở phòng học Hoa Sen và thư viện lầu 2 với tổng diện tích 940 m²; Với số lượng tài liệu lớn và thường xuyên được cập nhật, bổ sung theo yêu cầu của giảng viên nhằm đảm bảo mỗi môn học đều có ít nhất là 1

giáo trình và 5 tài liệu tham khảo. Bên cạnh đó, các loại sách, báo, tạp chí cần thiết đều được đặt mua định kỳ. Sinh viên chương trình chất lượng cao được cấp miễn phí tất cả các giáo trình và tài liệu tham khảo do Trường đại học Kinh tế - Luật xuất bản, được mượn sử dụng tất cả các giáo trình khác trong suốt quá trình học môn học của chương trình đào tạo; Trường cũng bố trí máy scan, máy in phục vụ cho việc sao chép tài liệu học tập của sinh viên:

- Tổng diện tích thư viện 940 m², trong đó diện tích phòng đọc là 466 m²
- Số chỗ ngồi: 550
- Số lượng máy tính có kết nối internet: 30 (19 máy cho SV tra cứu, 11 máy cho cán bộ thư viện).
- 02 máy Scan, 01 máy photocopy phục vụ miễn phí cho sinh viên in ấn tài liệu phục vụ học tập, nghiên cứu khoa học.
- Phần mềm quản lý thư viện: Aleph
- Thư viện trường ĐH Kinh tế - Luật: là thành viên trong khối ĐHQG HCM nên bạn đọc được sử dụng chung nguồn tài nguyên thông tin (sách, giáo trình, tài liệu điện tử trong nước và nước ngoài) của các thư viện thành viên. Có thư viện điện tử, đã kết nối được với 01 CSDL điện tử ngoài nước (OECD); Số lượng sách, giáo trình điện tử: 54 ebook.
- Kết nối: Thư viện ĐH Kinh tế - Luật đã kết nối và chia sẻ nguồn lực thông tin với 04 trường Đại học trong nước: Đại học Luật Hà Nội, Đại học Luật TP.HCM, Đại học Ngân hàng, Đại học Kiểm sát; kết nối với mạng lưới thư viện các trường Đại học ASEAN (AUNILo, link: <https://aunilosec.blog/>).
- Thư viện trung tâm ĐHQG TP.HCM: có thư viện điện tử, đã kết nối được với 04 CSDL điện tử trong nước (Bộ sưu tập số toàn văn: Sách/Bài giảng/Luận án tất cả các chủ đề; Toàn văn 13 tạp chí khoa học trong nước từ năm 2007 đến nay; Toàn bộ tài liệu Khoa học & Công nghệ của Cục KH&CN Quốc gia Việt Nam; CSDL Ebook tiếng Việt của Nhà xuất bản Tổng hợp TP. HCM bao gồm: sách giáo khoa,

giáo trình, từ điển thuộc tất cả các lĩnh vực) và CSDL thống kê VIETDATA, đã kết nối được với 14 CSDL điện tử ngoài nước: Acs (American Chemical Society), Asme (American Society Of Mechanical Engineers, Ieee Xplore Digital Library, Ig Publishing, Iop Science Journals, JI (John Libbey Eurotext), Mathscinet, Mit Opencourseware, Nature, Oxford Scholarship Online, Proquest Central, Sciencedirect, Springer Open, Springerlink, Số lượng sách, giáo trình điện tử: 267 ebook.

- Thư viện của Trường Đại học Kinh tế-Luật: được trang bị máy tính kết nối Internet.

Bảng 4: Thống kê đầu sách thư viện

Đầu sách	Đơn vị	Số lượng
Tổng số đầu sách	Quyển	38.559
Số đầu sách về Toán kinh tế	Quyển	925
Số đầu sách về Hệ thống thông tin quản lý	Quyển	892

15.5 Giáo trình, tập bài giảng của ngành đào tạo

STT	MÔN HỌC	TÊN GIÁO TRÌNH	TÊN TÁC GIẢ	NHÀ XUẤT BẢN	NĂM XB
1	Tin học cơ sở	Kỹ thuật lập trình cơ bản	Hồ Trung Thành, Trương Hoài Phan, Trần Duy Thanh	ĐHQG	2019
2	Kỹ thuật lập trình với Python	Fundamentals of Programming Python	Richard L. Halterman	Southern Adventist University	
3	Phân tích dữ liệu cơ bản	Statistics for business & economics	Anderson, D. R., Sweeney, D. J., Williams, T. A., Camm, J. D., & Cochran, J. J	Nelson Education	2016

		Regression analysis by example	Chatterjee, S., & Hadi, A. S.	John Wiley & Sons.	2015
		Data classification: algorithms and applications	Aggarwal, C. C. (Ed.)	CRC press.	2014
4	Cơ sở dữ liệu	Nhập môn cơ sở dữ liệu	Nguyễn Duy Nhất Lê Thị Kim Hiền, Vũ Thúy Hằng	ĐHQG TP.HCM	2015
5	Tin học ứng dụng	Tin học ứng dụng	Trương Hoài Phan, Vũ Văn Điệp, Ngô Cao Định, Lê Hải Nam, Phạm Công Thành, Vũ Thúy Hằng	ĐHQG TP.HCM	2015
6	Phân tích dữ liệu với R	Introduction to Probability and Statistics Using R	G. Jay Kerns	ISBN: 978-0-557-24979-4, published by the Free Software Foundation, "GNU Free Documentation License"	
		Introductory Statistics with R - Statistics & Computing	Peter Dalgaard	ISBN: 978-0-387-79053-4, e-ISBN: 978-0-387-79054-1, Springer Science+Business Media	
7	Hệ thống thông tin quản lý	Management Information System: Managing the firm, 12th Ed.	Jane P. Laudon, Kenneth C. Laudon	Prentice Hall	2012
8	Cơ sở dữ liệu phân tán (Tính toán song song & phân tán)	Principles Of Distributed Database Systems	M. Tamer Ozsu, Patrick	Pearson Education	Third Edition

		MODERN DATABASE MANAGEMENT 10th	Jeffrey A. Hoffer	Prentice Hall	
9	Phân tích dữ liệu văn bản	Text Analytics with Python	Dipanjan Sarkar	APRESS	2016
		Natural Language Processing with Python	Steven Bird, Ewan Klein, and Edward Loper	O'ley Publishing	2009
10	Trí tuệ nhân tạo trong phân tích kinh doanh	Artificial Intelligence Marketing and Predicting Consumer Choice: An Overview of Tools and Techniques	Dr Steven Struhl		
		Using Artificial Intelligence in Marketing: How to Harness AI and Maintain the Competitive Edge		(ISBN-13: 978- 0749483395, ISBN-10: 0749483393)	
		Big Data Applications in Business		(ISBN: 978- 6047355020)	
		Artificial Intelligence for Business: What You Need to Know about Machine Learning and Neural Networks		(ISBN-10: 0986435619, ISBN-13: 978-0986435614)	
11	Nhà kho dữ liệu và tích hợp	The Data Warehouse Toolkit: The Definitive Guide to Dimensional Modeling, 3rd Edition	Ralph Kimball	Publisher: Wiley	2013
		Principles of Data, Integration	2. AnHai Doan, Alon Halevy, Zachary Ives	Morgan Kaufmann	2012

12	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin quản lý	“Systems Analysis and Design”, 9th Edition,	K. Kendall & J. Kendall	Prentice Hall, Pearson Education	2014
12	Học máy (Machine Learning) trong phân tích kinh doanh	Deep learning.	Goodfellow, I., Bengio, Y., & Courville, A.	MIT press	2016
		Deep learning in neural networks: An overview	Schmidhuber, J.	Neural networks	
13	Trí tuệ doanh nghiệp và hệ hỗ trợ ra quyết định	Phân tích dữ liệu trong kinh doanh,	Hồ Trung Thành, Triệu Việt Cường, Vũ Thuý Hằng, Lê Hoàng Sử, Lê Thị Kim Hiền,	Nhà xuất bản ĐHQG-HCM,	2016
		Data warehousing in the age of big data	Krishnan, K	Morgan Kaufmann.	2013
		Identifying Key Components of Business Intelligence Systems and Their Role in Managerial Decision making (Doctoral dissertation)	Lloyd, J.	Intel Corporation	2011
14	Hệ khuyến nghị	Recommender Systems	Charu C. Aggaewal	Springer,	Springer, 2016
		Recommender Systems Handbook Francesco Ricci	Lior Rokach	Bracha Shapira	2015
15	Phân tích dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo	Introduction to Time Series and Forecasting	Peter J.Brockwell, Richard A. Davis	Springer,	2016
16	Big Data và Ứng dụng	Big Data Analytics	Seema Acharya, Subhasini Chellappan	WILEY	2015

17	Trực quan hóa dữ liệu	Data Analysis and Visualization Using Python	Dr. Ossama Embarak	Springer	2018
		Data Visualisation with R	Thomas Rahlf	Springer	2019
18	Phân tích dữ liệu truyền thông xã hội	Practical Social Network Analysis with Python	Krishna Raj P.M.Ankith MohanK.G. Srinivasa	Springer	2018
		A User's Guide to Network Analysis in R	Douglas Luke	Springer	2015
19	Phân tích chuỗi thời gian tài chính	Kinh tế lượng	GS.TS. Nguyễn Quang Dong, PGS.TS. Nguyễn Thị Minh	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013
		Phân tích báo cáo tài chính	PGS.TS Nguyễn Ngọc Quang	Đại học Kinh tế Quốc dân, Nhà xuất bản Tài Chính	
		Kinh tế lượng	Lê Hồng Nhật, Phạm Văn Chững, Phạm Hoàng Uyên, Võ Thị Lệ Uyên, Lê Thanh Hoa	Đại học Quốc gia TP.HCM	2019
20	Học sâu (Deep Learning) trong phân tích kinh doanh	Deep learning	Goodfellow, I., Bengio, Y., & Courville, A.	MIT press	2016
		Deep learning in neural networks: An overview.	Schmidhuber, J.	Neural networks, 61, 85-117	
21	Phân Tích Marketing Số	Digital Marketing Analytics: Making Sense Of Consumer Data In A Digital World	Chuck Hemann Ken Burbary	Indianapolis, Indiana 46240 USA	2016

22	Dữ liệu với công nghệ blockchain	Blockchain – Khởi Nguồn Cho Một Nền Kinh Tế Mới	Melanie Swan, LeVN dịch	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2016
		Research and Analysis of Blockchain Data	Xiaojing Yang, Jinshan Liu, Xiaohe Li	ICSP IOP Publishing	2019
23	Phân tích dữ liệu nâng cao	Python for data analysis: Data wrangling with Pandas, NumPy, and IPython.	McKinney, W	O'Reilly Media, Inc	2012
		Phân Tích Dữ Liệu Với R	Nguyễn, V. T.		2014
		Tableau your data: fast and easy visual analysis with tableau software	Murray, D. G	John Wiley & Sons.	2013
		Categorical data analysis using SAS	Stokes, M. E., Davis, C. S., & Koch, G. G.	SAS institute	2012
24	Chuyển đổi số trong kinh doanh	The Digital Transformation Playbook	David L	Columbia University Press	2016

16. Hướng dẫn thực hiện chương trình: Chương trình được áp dụng từ năm học 2019 – 2020

17. Dự kiến kế hoạch kiểm định chương trình đào tạo:

Chương trình sẽ được cập nhật định kỳ 2 năm 1 lần và có thay đổi lớn định kỳ 4 năm 1 lần. Trong 4 năm, khoa sẽ tiến hành khảo sát lấy ý kiến sinh viên, cựu sinh viên, doanh nghiệp và những nhà chuyên môn để hoàn thiện chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu cao nhất cho xã hội.

Chương trình sẽ được kiểm định cấp chương trình dự kiến năm 2027, đánh giá chính thức năm 2028. Lộ trình cụ thể:

- Năm 2020 chương trình sẽ tuyển sinh lớp đầu tiên;
- Năm 2022 điều chỉnh chương trình theo mục tiêu ngắn hạn;
- Năm 2024 có sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên. Khoa sẽ tiến hành chuẩn bị hồ sơ để đánh giá chương trình đào tạo, thực hiện các khảo sát đánh giá từ sinh viên, nhà tuyển dụng...;
- Điều chỉnh chương trình đào tạo theo kế hoạch;
- Năm 2025, 2026 có sinh viên khóa 2 và 3 ra trường, chuẩn bị các khảo sát đánh giá tiếp theo;
- Năm 2027 chuẩn bị hồ sơ đánh giá nội bộ theo AUN;
- Năm 2028 điều chỉnh chương trình đào tạo theo xu hướng thời đại và đánh giá chương trình theo AUN.

TRƯỜNG KHOA



LÊ HOÀNH SỬ



HIỆU TRƯỞNG

NGUYỄN TIẾN DŨNG



